

"Hôn nhân không chỉ là ở bên nhau": Ý nghĩa của Hôn nhân đối với Người trẻ tuổi

["Marriage Is More Than Being Together": The Meaning of Marriage for Young Adults]

Maria J. Kefalas[1], Frank F. Furstenberg[2], Patrick J. Carr[3] và Laura Napolitano[2]

Tạp chí Vấn đề Gia đình (Journal of Family Issues)

32(7) 845–875

© Các tác giả - 2011

Bản sao và quyền sử dụng: <http://www.sagepub.com/journalsPermissions.nav>

DOI: 10.1177/0192513X10397277

<http://jfi.sagepub.com>

[1]Đại học Saint Joseph, Philadelphia, PA, Mỹ

[2]Đại học Pennsylvania, Philadelphia, PA, Mỹ

[3]Đại học Rutgers, Piscataway, NJ, Mỹ

Đồng tác giả:

Maria Kefalas, Khoa Xã hội học, Đại học Saint Joseph, 5600 City Avenue, Philadelphia, PA 19131, Mỹ

Email: mkefalas@sju.edu

Tóm tắt

Dựa trên 424 cuộc phỏng vấn định tính (qualitative interviews) với một nhóm dân số đa dạng về chủng tộc (racially), dân tộc (ethnically) và tình hình kinh tế xã hội (socio-economically), gồm những người trẻ trong độ tuổi từ 21 đến 38, các tác giả đã suy ngẫm về nghịch lý về vai trò phát triển của hôn nhân hiện đại trong quan điểm phát triển của quá trình chuyển sang tuổi trưởng thành (transition to adulthood). Các tác giả xác định hai nhóm: những người tự nhiên về hôn nhân (marriage naturalists) và những người lập kế hoạch hôn nhân (marriage planners). Những

người *tự nhiên* về hôn nhân chiếm một phần tư của mẫu, chủ yếu từ nông thôn Mỹ, và tuân theo con đường nhanh gọn đi vào hôn nhân đã được định rõ vào giữa thế kỷ 20. Những người *lập kế hoạch* hôn nhân chiếm phần còn lại của mẫu, sống ở các khu vực đô thị, và tuân theo một quá trình chuyển sang tuổi trưởng thành kéo dài. Các tác giả xem xét quan điểm của mỗi nhóm về cam kết và bản chất của mối quan hệ, và áp dụng những phát hiện của họ vào những cuộc tranh luận về việc hôn nhân có đang phục hồi (resilient), suy giảm (decline), hay trở thành phi thể chế hóa (deinstitutionalized) hay không.

Từ khóa

chuyển đổi sang tuổi trưởng thành, mối quan hệ, hôn nhân, thanh niên

Giới thiệu

Một nghịch lý được nhận thấy trong nghiên cứu gia đình là mặc dù có rất nhiều lựa chọn thay thế cho hôn nhân và người dân ngày nay sẽ dành ít thời gian hơn trong cuộc sống trưởng thành của họ trong một liên minh hôn nhân so với các thế hệ trước, người Mỹ vẫn rất cam kết với ý tưởng về hôn nhân (Bianchi & Casper, 2002; Bumpass & Lu, 2000; Coontz, 2005; Goldstein & Kenney, 2001; Smock, 2000; Ventura & Bachrach, 2000). Mặc dù các học giả đã cẩn thận đếm các xu hướng nhân khẩu học quốc gia trong hôn nhân (ví dụ, Graefe & Lichter, 2002), chỉ gần đây các nhà nghiên cứu mới cố gắng nghiên cứu ý nghĩa mà người trẻ tuổi gắn với hôn nhân và cách họ thiết lập cam kết hôn nhân. Để đạt được mục đích đó, đóng góp chính của bài viết này sẽ là làm sáng tỏ những cuộc tranh luận hiện đại về tương lai của hôn nhân bằng cách khám phá ý nghĩa chủ quan của hôn nhân trong bối cảnh quan điểm phát triển của quá trình chuyển sang tuổi trưởng thành kéo dài (Arnett, 2000; Settersten, Furstenberg, & Rumbaut, 2004; Shanahan, 2000). Chúng tôi tin rằng quá trình chuyển sang tuổi trưởng thành kéo dài cung cấp một cách để giải thích ý nghĩa liên tục của hôn nhân trong một thế giới nơi hôn nhân không còn là lựa chọn duy nhất được xã hội chấp nhận. Chúng tôi kiểm tra điều này bằng cách phân tích các câu

chuyện của một nhóm người trẻ tuổi đa dạng về kinh tế, chủng tộc và địa lý gồm 424 người, trong những năm xây dựng gia đình chính từ 21 đến 38 tuổi, khi họ làm việc để đạt được những dấu mốc truyền thống của tuổi trưởng thành. Cụ thể, chúng tôi khám phá cách mà người trẻ tuổi xây dựng hy vọng và kỳ vọng cho mối quan hệ, tại sao họ đã kết hôn hoặc hôn nhân có phải là một triển vọng có thể xảy ra trong tương lai của họ hay không, và nếu có, những điều kiện mà họ dự đoán sẽ bước vào hôn nhân. Trong quá trình làm việc này, chúng tôi xác định hai chủ đề chính trong dữ liệu của chúng tôi, đó là người tự nhiên về hôn nhân và người lập kế hoạch hôn nhân, và chúng tôi mô tả những gì mỗi nhóm nói về cam kết, bản chất của mối quan hệ, và những gì chúng tôi gọi là tư duy hôn nhân (marriage mentality).

Khi quá trình trở thành một người trưởng thành trong một nền kinh tế hậu công nghiệp (post-industrial economy) đã thay đổi, ý nghĩa và thời điểm của hôn nhân đã được thay đổi tương ứng, và những phát hiện của chúng tôi cho thấy rằng những người *lập kế hoạch hôn nhân* trì hoãn việc bước vào hôn nhân như một phản ứng đối với quá trình chuyển sang tuổi trưởng thành kéo dài và mập mờ hơn (Arnett, 2000; Shanahan, 2000). Những thực tế cấu trúc của giai đoạn đặc biệt này của cuộc sống được biết đến là "giai đoạn trưởng thành nở / emerging adulthood" đã biến đổi cách mà người trẻ tuổi đạt được những dấu mốc truyền thống của người trưởng thành như thiết lập một hộ gia đình độc lập, hôn nhân, và hình thành gia đình. Trong số thanh niên ưu tú (elite youth), việc học hành mở rộng sau trường trung học chiếm lấy các năm sau tuổi thanh thiếu niên, trong khi đối với thanh niên thuộc tầng lớp lao động (working-class) và tầng lớp dưới (lower-class), giai đoạn này trong quá trình đời sống có nghĩa là cạnh tranh trong một nền kinh tế hậu công nghiệp nơi họ đối mặt với nhiều rào cản lớn trong việc thiết lập các hộ gia đình riêng của bản thân và ổn định vào việc làm toàn thời gian, có khả năng tự duy trì. Chúng tôi thấy rằng địa lý đóng một vai trò quan trọng trong việc hình thành gia đình như những nghiên cứu khác đã chỉ ra (McLaughlin, Lichter, & Johnston, 1993; Mitchell, 2006a;

Snyder, Brown, & Condo, 2004) vì những *người tự nhiên về hôn nhân (marriage naturalists)* chủ yếu sinh sống tại vùng nông thôn Iowa, trong khi những *người lập kế hoạch hôn nhân (marriage planner)* chủ yếu sống ở các khu vực đô thị (metropolitan areas).

Địa lý quan trọng vì chi phí sống thấp hơn ở các vùng nông thôn, nền kinh tế lao động chế tạo, và sự hỗ trợ xã hội mạnh mẽ về hôn nhân cho phép và khuyến khích những người tự nhiên về hôn nhân tuân theo một quá trình chuyển sang tuổi trưởng thành nhanh chóng, và kết hôn. Sống trong một môi trường nông thôn có nghĩa là những *người tự nhiên về hôn nhân* hoạt động trong một bối cảnh nơi các điều kiện xã hội và kinh tế giữa thế kỷ 20 vẫn còn, và họ xem hôn nhân như kết quả *tự nhiên*, đáng mong đợi của một mối quan hệ đã kéo dài trong một khoảng thời gian. Chú ý ở đây là chúng tôi sử dụng thuật ngữ tự nhiên không phải như là một điểm đối lập với một cái gì đó được xây dựng về mặt xã hội - như là từ bản năng hoặc tự nhiên. Thay vào đó, chúng tôi sử dụng thuật ngữ này để truyền đạt cảm giác rằng đối với người tự nhiên, hôn nhân là một cái gì đó xảy ra trong quá trình đời sống, như một người có thể chú ý đến những thay đổi thể chất liên quan đến sự trưởng thành. Điều đó không có nghĩa là hôn nhân không phải là một sự xây dựng xã hội, nhưng đối với những người tự nhiên, đó là một bước tiếp theo hợp lý mà một người mặc định đi vào, thay vì một cái gì đó phải được chuẩn bị cẩn thận. Thú vị là, những người tự nhiên về hôn nhân không định rõ quan điểm của họ về hôn nhân trong niềm tin tôn giáo, họ mô tả nó như một kỳ vọng xã hội được bên ngoài tạo ra - một con đường cho họ theo. Điều đó không có nghĩa là hôn nhân không phải là một sự xây dựng xã hội, nhưng đối với những người tự nhiên, đó là một bước tiếp theo hợp lý mà một người mặc định đi vào, thay vì là một cái gì đó phải được chuẩn bị cẩn thận. Ngược lại, trong các thiết lập tại đô thị, những *người lập kế hoạch hôn nhân* định hình hôn nhân phản ánh những thực tế đặc trưng của thành phố, bao gồm chi phí sống cao hơn (đặc biệt là về nhà ở) và sự thống trị của một nền kinh tế dựa trên công nghệ cao, nền kinh tế dựa trên dịch vụ. Vì mất thời gian lâu hơn để người lao động chuyển

sang việc làm toàn thời gian và thiết lập các hộ gia đình độc lập, người trẻ tuổi đang trưởng thành ở các khu vực đô thị thấy khó khăn để đáp ứng hai trong số những điều kiện quan trọng nhất cho một liên minh hôn nhân chính thức: một hộ gia đình riêng (separate household) và một công việc trả lương tốt (well-paying job). Vì quá trình chuyển đổi kéo dài, những người lập kế hoạch hôn nhân áp dụng sống thử (cohabitation), sinh con ngoài hôn nhân (nonmarital childbearing), và mối quan hệ tình dục / lãng mạn trước hôn nhân như những điểm đánh dấu - và không phải là thay thế hôn nhân - trong giai đoạn tuổi trưởng thành đang nổi lên của cuộc sống để họ có thể theo đuổi những mục tiêu "người lớn" khác (chẳng hạn như hoàn thành bằng cấp, thiết lập bản thân về mặt công việc, và tạo ra một cảm giác về sự trưởng thành tâm lý và tinh thần), mà họ xem như là điều kiện tiên quyết cho một cuộc hôn nhân. Mặc dù các đối tượng từ cả hai nhóm đều gặp phải sự không chắc chắn về cam kết, những người tự nhiên sẵn lòng bước vào một liên minh hôn nhân, trong khi những người lập kế hoạch muốn ổn định hơn trước khi họ cam kết.

Tài liệu nghiên cứu

Hôn nhân tại Hoa Kỳ đã trải qua một sự biến đổi cơ bản trong phần sau của thế kỷ 20 (ví dụ, Amato, 2004; Cherlin, 2004; Seltzer, 2004). Một cách mô tả đơn giản, thì tuổi kết hôn đã tăng lên, trong khi tỷ lệ người Mỹ kết hôn đã giảm (Cherlin, 2004). Sự thay đổi trong mô hình hôn nhân đã đi kèm với những thay đổi xã hội khác trong cấu hình hình thành gia đình [configurations of family formation] (xem Bianchi & Casper, 2002), ví dụ, sự tăng lên trong số người sống thử [cohabitation] (Bumpass & Lu, 2000), mức tăng tỷ lệ ly hôn (Hetherington & Kelly, 2002), và sự tăng lên trong tỷ lệ trẻ em sinh ra từ những người mẹ chưa kết hôn (Ventura & Bachrach, 2000). Những biến đổi xã hội như sự tăng đáng kể tỷ lệ phụ nữ trong lực lượng lao động, sự tăng lên trong việc tham gia giáo dục đại học, và quyền tiếp cận với biện pháp tránh thai và phá thai đã làm thay đổi sâu sắc bức tranh văn hóa xã hội của hôn nhân và hình thành

gia đình. Không có gì ngạc nhiên khi hôn nhân đã thay đổi, và thực tế, sự thay đổi này là điều duy nhất mà các học giả và nhà bình luận đồng ý.

Các học giả và nhà quan sát hiểu như thế nào về sự thay đổi trong bản chất của hôn nhân tại Hoa Kỳ và ý nghĩa của nó? Một phương pháp giải thích đã được Amato (2004) mô tả là cuộc tranh luận giữa những người lập lý thuyết về sự suy giảm của hôn nhân (ví dụ, Popenoe, 1996; Waite & Gallagher, 2000; Wilson, 2002) và những người ủng hộ quan điểm khả năng phục hồi của hôn nhân (Coontz, 2005; Stacey, 1997). Những người ủng hộ lập luận về sự suy giảm của hôn nhân nhìn nhận tỷ lệ ly hôn tăng lên và sự tăng lên của trẻ em sinh ra ngoài hôn nhân là những phát triển tiêu cực dẫn đến nhiều vấn đề xã hội. Hơn nữa, những người ủng hộ lý thuyết suy giảm hôn nhân tin rằng những biến đổi như vậy là biểu hiện của một nền văn hóa rộng lớn hơn đặt quyền lợi cá nhân và coi thường sự cam kết với các tổ chức. Đối với những người có quan điểm ấy, giải pháp cho vấn đề này, theo Amato (2004), là "tạo ra một nền văn hóa đánh giá cao sự cam kết và khuyến khích mọi người chấp nhận trách nhiệm với người khác" (tr. 960). Những người ủng hộ khả năng phục hồi của hôn nhân giải thích các xu hướng như tỷ lệ ly hôn tăng lên theo cách khác. Không phải là phá hủy hôn nhân và mối quan hệ gần gũi, những người ủng hộ khả năng phục hồi của hôn nhân cho rằng việc dễ dàng tiếp cận với việc ly hôn đã giúp mọi người thoát khỏi những mối quan hệ rối loạn chức năng (dysfunctional) và thường xuyên bị lạm dụng (abusive). Mặc dù cuộc tranh luận này rất sôi nổi và thường xuyên bị phân cực, những gì thường thiếu trong những cuộc thảo luận này là những thay đổi ấy thực sự có ý nghĩa gì đối với mọi người. Người Mỹ lựa chọn có hay không kết hôn, ly hôn, hoặc có con, và trong bài viết này, chúng tôi tiết lộ khía cạnh chủ quan của những lựa chọn như một cách cung cấp ngữ cảnh cho cuộc tranh luận về sự suy giảm hay khả năng phục hồi.

Một phương pháp giải thích thứ hai không tập trung nhiều vào hậu quả ý

nghĩa của những thay đổi mà tập trung vào việc theo dõi hình dạng và ý nghĩa của sự biến đổi trong hôn nhân theo thời gian. Tại đây, các học giả về quá trình cuộc đời [life course] (Stanger-Ross, Collins, & Stern, 2005) và về gia đình (Cherlin, 2004) mô tả các mô hình hôn nhân cụ thể theo thời kỳ. Stanger-Ross và cộng sự (2005) xác định ba thời đại của lựa chọn có mô hình cho người trẻ tuổi; sự đối ứng [reciprocity] (1900-1950), sự phụ thuộc [dependence] (1950-1970), và sự tự chủ [autonomy] (1970-2000), nơi mọi người đưa ra quyết định về hôn nhân dựa trên mối quan hệ của họ với gia đình cha mẹ. Do đó, vào giữa thế kỷ 20, người trẻ tuổi bước vào tuổi trưởng thành sớm và đưa ra quyết định về hôn nhân khi họ vẫn còn phụ thuộc vào gia đình. Vào phần sau của thế kỷ 20, khi quá trình chuyển từ tuổi trẻ sang tuổi trưởng thành đã kéo dài (Shanahan, 2000), người trẻ tuổi đưa ra quyết định về hôn nhân và hình thành gia đình từ một vị trí tương đối tự chủ so với cha mẹ của họ.

Trong việc mô tả những chuyển đổi trong ý nghĩa của hôn nhân, Cherlin (2004) cũng chỉ ra ba thời đại. Vào đầu thế kỷ 20, hôn nhân đã thể chế hóa (institutionalized marriage) là mô hình chủ yếu, nơi tình yêu là yếu tố thứ yếu so với thể chế hôn nhân, và vai trò trong hôn nhân được phân chia rõ ràng. Vào giữa thế kỷ, hôn nhân thể chế đã bị thay thế bởi hôn nhân đồng hành (companionate marriage), được đặc trưng bởi những mối liên kết về tình cảm và tình bạn mà hầu như không có trong hôn nhân thể chế. Trong hôn nhân đồng hành, các đối tác tìm thấy sự hài lòng từ việc xây dựng một gia đình và thông qua việc thực hiện vai trò vợ chồng. Chuyển đổi lớn thứ ba trong ý nghĩa của hôn nhân bắt đầu vào những năm 1960, và Cherlin (2004) gọi nó là "hôn nhân cá nhân hóa" [individualized marriage] (tr. 852) nơi mọi người tìm thấy sự hài lòng từ sự phát triển cá nhân hơn là thông qua việc xây dựng một gia đình, và vai trò ít được phân chia rõ ràng so với hôn nhân đồng hành và hôn nhân thể chế. Cherlin cho rằng hôn nhân đã trải qua một quá trình phi thể chế hóa, mà anh mô tả là một "sự yếu kém của các quy tắc xã hội xác định hành vi của mọi người trong một tổ chức xã hội như hôn

nhân" (tr. 848). Tuy nhiên, anh ghi nhận rằng mặc dù có sự giảm đi về ý nghĩa thực tế, hôn nhân vẫn giữ được ý nghĩa biểu tượng mạnh mẽ trong việc mọi người vẫn muốn kết hôn và tôn trọng cơ chế (xem cũng Edin & Kefalas, 2005).

Có hai điều chính thiếu trong cuộc thảo luận này về hôn nhân. Đầu tiên, có sự thiếu hụt nghiên cứu về ý nghĩa chủ quan của hôn nhân đối với người trẻ tuổi. Cherlin (2004) đưa ra giả thuyết về ý nghĩa biểu tượng của hôn nhân, và, mặc dù Edin và Kefalas (2005) đã khám phá ý nghĩa của hôn nhân, họ làm như vậy cho một mẫu phụ nữ nghèo, và do đó, chúng ta biết rất ít về ý nghĩa của hôn nhân đối với các [nhóm] dân số khác. Cuộc tranh luận về sự suy giảm - khả năng phục hồi chủ yếu dựa trên các bộ dữ liệu lớn, và do đó, chúng ta thiếu sự sâu sắc và ngữ cảnh mà dữ liệu câu chuyện mang lại cho những vấn đề này. Trong khía cạnh này, công việc hiện tại có lợi thế khi dữ liệu câu chuyện đến từ một mẫu đa dạng những người trẻ tuổi từ nhiều vùng của Hoa Kỳ. Sự thiếu sót thứ hai trong các cuộc thảo luận hiện tại về hôn nhân là việc sử dụng ít quan điểm về quá trình cuộc đời (life course perspective). Ví dụ, Mitchell (2006b) lập luận về "tầm quan trọng của việc đặt các chuyển đổi liên quan đến gia đình và thay đổi xã hội trong thời gian và không gian tương đối của chúng" (tr. 334). Quá trình chuyển từ tuổi trẻ sang tuổi trưởng thành là sân khấu cho các quyết định kết hôn, sống thử, hoặc sinh con; như vậy, các trạng thái thường được coi là chứng nhận cho việc chuyển sang tuổi trưởng thành. Ý nghĩa của hôn nhân sau đó có thể được đánh giá tốt hơn theo cách nó diễn ra trong hoàn cảnh sống (life circumstances) và lựa chọn mà người trẻ tuổi đưa ra trong giai đoạn quan trọng này của cuộc đời họ.

Dưới đây, chúng tôi cố gắng trả lời một số câu hỏi phát sinh từ việc xem xét học bổng. Đầu tiên, hôn nhân có ý nghĩa gì đối với giới trẻ vào đầu thế kỷ 21 và những yếu tố nào ảnh hưởng đến quyết định của họ về việc kết hôn hay không? Có bằng chứng nào về việc giảm bớt tầm quan trọng của hôn nhân không? Thứ hai, mẫu người Mỹ trẻ trong nghiên cứu

của chúng tôi có thấy hôn nhân đang suy giảm hay có nhiều bằng chứng cho sự kiên cường hơn? Và làm thế nào một góc nhìn theo quá trình đời sống có thể giúp chúng tôi trả lời những câu hỏi này?

Phương pháp

Dữ liệu được sử dụng cho bài viết này đến từ một nghiên cứu phỏng vấn chất lượng quốc gia do Quỹ MacArthur's Network on Transitions to Adulthood tài trợ (để biết thêm thông tin, xem Waters, Carr, & Kefalas). Từ tháng 3 năm 2002 đến tháng 2 năm 2003, các nhà nghiên cứu tại bốn địa điểm - Thành phố New York, San Diego, Minneapolis/St. Paul và nông thôn Iowa - đã tiến hành phỏng vấn sâu với một nhóm người trẻ tuổi đa dạng về kinh tế xã hội, chủng tộc và dân tộc, có độ tuổi từ 21 đến 38 tuổi. Mục tiêu của nghiên cứu chất lượng sâu là để hiểu rõ hơn về cách mà người trẻ ngày nay nhận biết và quản lý sự chuyển đổi sang tuổi trưởng thành. Do đó, mục tiêu của chúng tôi trong việc lấy mẫu là tối đa hóa sự đa dạng về độ tuổi, tầng lớp xã hội, dân tộc và vùng miền. Mặc dù chúng tôi không thể tuyên bố rằng mẫu của chúng tôi đại diện cho toàn bộ quốc gia, nhưng chúng tôi đã cố gắng hết sức để đảm bảo rằng người tham gia của chúng tôi đại diện cho một phạm vi rộng lớn của người trẻ tuổi Mỹ.

Tại Minnesota, New York và San Diego, người trả lời được chọn từ những người tham gia vào các dự án nghiên cứu đang diễn ra, trong khi mẫu Iowa được tuyển chỉ riêng cho nghiên cứu hiện tại. Tại tất cả bốn địa điểm, người trả lời được tuyển không ngẫu nhiên từ các mẫu lớn hơn. Tại Minnesota, người trả lời được tuyển từ Nghiên cứu Phát triển Thanh niên (YDS), một nghiên cứu dài hạn về thanh niên từ St. Paul, Minnesota bắt đầu khi người trả lời đang học lớp chín vào mùa xuân năm 1988. Mẫu ban đầu đại diện cho nhóm thuộc trường học công lập St. Paul... [và] các cuộc phỏng vấn được tiến hành vào mùa hè và mùa thu năm 2002 khi người trả lời từ 28 đến 32 tuổi. Những người được phỏng vấn được chọn từ ba đợt YDS trước đó. (Swartz, Hartmann, &

Mortimer, sắp phát hành)

Mẫu New York được rút ra từ nghiên cứu Thế hệ Di dân thứ Hai tại Khu đô thị New York (ISGMNY / Immigrant Second Generation in Metropolitan New York). Nghiên cứu bắt đầu như một cuộc khảo sát qua điện thoại được tiến hành với 3.415 người trẻ tuổi từ 18 đến 32 tuổi từ các hộ gia đình di dân (immigrant) và bản xứ (native-born), sau đó là các cuộc phỏng vấn mở với 343 người trả lời. Đối với việc thu thập dữ liệu hiện tại, các thành viên được chọn để hoàn thành vòng thứ hai với 130 cuộc phỏng vấn trực tiếp được tiến hành từ tháng 1 năm 2002 đến tháng 6 năm 2003 khi người trả lời từ 22 đến 36 tuổi (xem Holdaway, 2010). Tại San Diego, mẫu phỏng vấn sâu được rút ra từ Nghiên cứu Dài hạn về Trẻ em Di dân (CILS / Children of Immigrants Longitudinal Study), một nghiên cứu dạng bảng theo dõi (panel study) đã theo dõi trong hơn một thập kỷ một mẫu lớn, đại diện cho những người trẻ tuổi lớn lên trong các gia đình di dân tại San Diego. Mẫu ban đầu của CILS được rút ra từ học sinh lớp tám và lớp chín đang theo học tại Trường Trung học Thành phố San Diego vào mùa thu năm 1991, và họ đã được khảo sát trong ba khoảng thời gian: năm 1992 (cuối cấp hai), 1995 (gần cuối cấp ba) và 2001-2003 (khi họ đang ở giữa 20 tuổi). Những người tham gia mà chúng tôi sử dụng câu chuyện ở đây được rút ra từ một mẫu đại diện 1-trong-10 của 134 người trả lời từ đợt khảo sát thứ ba (xem Borgen & Rumbaut, 2010). Cuối cùng, mẫu Iowa không được rút ra từ một nghiên cứu dài hạn đang diễn ra. Thay vào đó, các nhà nghiên cứu đã hoàn thành một cuộc khảo sát về hai nhóm người trẻ tuổi, đã theo học trường trung học tại một thị trấn nhỏ vào cuối những năm 1980 đến giữa những năm 1990. Các nhà nghiên cứu tuyển dụng không ngẫu nhiên hơn 100 người tham gia từ cuộc khảo sát lớn hơn này với 280 người phỏng vấn sâu (Carr & Kefalas, 2009).

Chiến lược tuyển dụng là cung cấp một nhóm người trả lời với sự đa dạng rộng nhất về kinh nghiệm giáo dục, nền tảng kinh tế xã hội, cấu trúc gia đình và địa lý. Tuy nhiên, có một số hạn chế đối với mẫu hiện

tại. Hạn chế đầu tiên là tỷ lệ tương đối nhỏ của người trả lời da màu trong tổng mẫu. Điều này một phần là do bản chất của các nghiên cứu gốc được sử dụng trong đó không có người Mỹ gốc Phi trong nghiên cứu gốc CILS, và rất ít trong YDS và ISGMNY. Các nhà nghiên cứu ở Minnesota và New York đã cố gắng liên lạc và tuyển dụng người Mỹ gốc Phi nhưng nhóm này vẫn có số lượng đại diện không đủ. Trong thị trấn nhỏ Iowa nơi chúng tôi tiến hành các cuộc phỏng vấn, không có người Mỹ gốc Phi. Một lượng lớn nghiên cứu đang tăng lên (xem, ví dụ, Edin, Kefalas, & Reed, 2004; Edin & Kefalas, 2005; England & Edin, 2007; Smock, Manning, & Porter, 2005) đã cung cấp các so sánh về chủng tộc giữa người Mỹ gốc Phi thu nhập thấp và tầng lớp lao động với người da trắng và người Mỹ gốc Latinh, cho thấy rằng khát vọng về hôn nhân vẫn tiếp tục tồn tại trong số người Mỹ gốc Phi, mặc dù tỷ lệ kết hôn thấp hơn nhiều, và rằng có sự khác biệt nhỏ về chủng tộc trong ý định kết hôn. Hạn chế thứ hai là đây là một mẫu bị giới hạn về mặt vùng miền trong đó không có người tham gia từ các bang phía nam. Đây là một câu hỏi thực tế liệu việc bao gồm một địa điểm như vậy có ảnh hưởng đến kết quả của chúng tôi hay không, và có thể công việc tương lai nên bao gồm người trả lời từ các bang phía nam. Mặc dù tất cả những người trẻ trong mẫu đều sinh ra tại Hoa Kỳ, 51% trong số 424 cuộc phỏng vấn được tiến hành với con cái của người di dân, chủ yếu là vì kinh nghiệm di dân mang màu sắc ngữ cảnh địa phương của New York và San Diego. Mặc dù đây là sự đại diện quá mức, nghiên cứu gần đây (Rumbaut & Komaie, 2007) đã chỉ ra rằng trong số hơn 67 triệu người tại Hoa Kỳ năm 2006 từ 18 đến 34 tuổi, hơn 30% là người di dân hoặc thế hệ thứ hai, và phần này của dân số đang tăng nhanh chóng, đặc biệt là ở các khu vực đô thị lớn. Do đó, chúng tôi nghĩ rằng quan trọng là phải đánh giá các trải nghiệm của phần này của dân số vì không rõ tác động của sự kết hợp văn hóa cha mẹ và văn hóa khác (văn hóa Hoa Kỳ) đối với quan điểm của họ về hôn nhân.

Sự đa dạng của mẫu được thể hiện rõ ràng từ số liệu dân số tổng hợp được hiển thị trong Bảng 1. Nhóm nghiên cứu San Diego đã hoàn thành

số lượng cuộc phỏng vấn lớn nhất (n = 134) với một nhóm người trẻ tuổi đa dạng về dân tộc, bao gồm người Mỹ gốc Trung Quốc, người Mỹ gốc Mexico và một số nhóm dân tộc khác. Thành phố New York là địa điểm lớn thứ hai (n = 130), và tại đây các nhà nghiên cứu đã tiến hành phỏng vấn sâu với một nhóm đa dạng của người Mỹ thế hệ thứ hai từ một số nhóm chủng tộc và dân tộc khác nhau cũng như người da trắng sinh ra tại Mỹ và người Mỹ gốc Phi. Nhóm nghiên cứu Iowa đã hoàn thành cuộc phỏng vấn với 104 người tham gia, và mẫu này là mẫu đồng nhất nhất về chủng tộc và dân tộc. Cuối cùng, mẫu Minnesota (n = 54) nhắm vào người da trắng sinh ra tại Mỹ, người Mỹ gốc Phi và một mẫu nhỏ của người Hmong. Người Hmong không được bao gồm trong phân tích của chúng tôi vì họ có một "hôn nhân văn hóa / cultural marriage", khác biệt với liên-minh-hôn-nhân được công nhận bởi nhà nước [state-recognized] (xem Moua, 2003). Do mức độ công nhận khác nhau cho hôn nhân đồng tính, chúng tôi cũng đã loại bỏ các cuộc thảo luận về hôn nhân giữa những người trẻ tự nhận mình là người đồng tính.

Về tình trạng hôn nhân, khoảng hai phần ba mẫu từ New York và San Diego cho biết họ đang độc thân vào thời điểm phỏng vấn, trong khi người trả lời ở Iowa có khả năng cao nhất báo cáo rằng họ đã kết hôn (48%) theo sau là Minneapolis/St. Paul (42,6%). Tổng cộng, 29% mẫu tổng thể đã kết hôn vào thời điểm phỏng vấn. Người trả lời ở Minneapolis/St. Paul có khả năng cao nhất báo cáo rằng họ đang sống thử và cũng là nhóm có khả năng cao nhất đã ly hôn hoặc chia tay. Tỷ lệ sống thử thấp nhất trong mẫu ở Iowa, và tỷ lệ ly hôn/chia tay thấp nhất cho New York và San Diego. Tỷ lệ nuôi dạy con cũng biến đổi từ mức cao nhất là 70% trong mẫu Minneapolis/St. Paul xuống khoảng 30% cho New York và San Diego.

Bảng 1. Chọn các đặc điểm của mẫu định tính: Giới tính, Tuổi, Chủng tộc/Dân tộc, Tình trạng hôn nhân và Trình độ học vấn

	Iowa (N = 104)	Minnesota (N = 54)	New York (N = 130)	San Diego (N = 134)
% age 22 and younger	1.0%		8.5%	
% age 23–25	46.1%		25.4%	88.1%
% age 26–28	16.7%	16.6%	22.3%	11.9%
% age 29–31	36.3%	83.3%	20.0%	
% age 32 and older			23.8%	
% Male	51.0%	24.0%	55.0%	46.0%
% Female	49.0%	76.0%	45.0%	54.0%
% African American		7.4%	9.2%	
% West Indian			8.5%	
% Puerto Rican			12.3%	
% CEP			9.2%	
% Dominican			7.7%	
% Mexican				29.9%
% Other Latin		1.9%		3.0%
% Chinese			28.5%	9.7%
% Filipino				26.1%
% Vietnamese				12.7%
% Lao				6.7%
% Cambodian				4.5%
% Hmong		18.5%		3.0%
% Other Asian				4.5%
% Russian Jewish			13.1%	
% White	98.0%	66.7%	10.8%	
% Mixed	2.0%	5.6%	0.8%	
% Native American		1.9%		
% HS Grad or less	23.0%	13.0%	14.6%	20.5%
% 1 - 2 year college	30.7%	38.9%	25.4%	32.6%
% 3 - 4 year college	4.8%	5.5%	10.0%	23.5%
% BA or more	41.3%	42.6%	50.0%	23.5%

Note. CEP = Colombia, Ecuador, and Peru.

Lưu ý. CEP = Colombia, Ecuador, và Peru.

Mẫu Iowa là mẫu duy nhất có tỷ lệ nuôi dạy con không vượt qua tỷ lệ kết hôn, điều này cho thấy có ít trẻ em ở Iowa được sinh ra ngoài hôn nhân. Ít người trả lời cho biết họ đang đính hôn vào thời điểm phỏng vấn, và Iowa và San Diego có tỷ lệ tương tự báo cáo đang đính hôn và sống thử, trong khi tỷ lệ sống thử so với đính hôn là 4:1 ở Minneapolis/St.

Paul và 6:1 ở New York. Tổng cộng, có sự đa dạng trong trải nghiệm trong nghiên cứu tổng thể; nhiều người trả lời đang hoặc đã kết hôn, một số đã ly hôn, nhiều người sống thử, và 38% tổng số người trả lời có con.

Các cuộc phỏng vấn được thực hiện bằng một công cụ chung được phát triển cùng nhau bởi một số thành viên của mạng lưới nghiên cứu. Công cụ chung bao gồm các câu hỏi mở về một số chủ đề, chẳng hạn như điều kiện sống, gia đình, giáo dục, công việc, tôn giáo, giải trí, và lão hóa chủ quan, và người phỏng vấn ở tất cả các địa điểm đều hỏi cùng một câu hỏi. Chiến lược thu thập dữ liệu khác nhau tại mỗi địa điểm. Tại các địa điểm New York và San Diego, các đội phỏng vấn được đào tạo thực hiện các cuộc phỏng vấn, trong khi ở Iowa và Minnesota, các nhà điều tra chính là người phỏng vấn chính. Tất cả người phỏng vấn đều được đào tạo và hướng dẫn tuân thủ thứ tự và định dạng câu hỏi, nhưng họ được yêu cầu tiếp tục các chủ đề khi chúng xuất hiện. Mặc dù rất khó để đảm bảo sự nhất quán tuyệt đối giữa các địa điểm và giữa nhiều người phỏng vấn khác nhau, mọi nỗ lực đã được thực hiện để đảm bảo rằng mỗi địa điểm đều tạo ra dữ liệu có thể được sử dụng trong các phân tích so sánh. Điều này được thực hiện bằng hai cách chính. Đầu tiên, các nhà điều tra chính cho mỗi địa điểm xem xét các bản gốc sớm của các cuộc phỏng vấn để đảm bảo rằng người phỏng vấn đang sử dụng hướng dẫn một cách chính xác và đánh giá mức độ hiệu quả của các câu hỏi. Thứ hai, mỗi địa điểm có các cuộc họp thường xuyên cho người phỏng vấn để đưa ra phản hồi và thảo luận về các vấn đề xuất hiện. Mặc dù chúng tôi không hoàn thành bất kỳ kiểm tra thành viên nào, sự nhất quán của các phản hồi tường thuật (narrative responses) cho thấy dữ liệu là hợp lệ (valid) và đáng tin cậy (reliable).

Một số câu hỏi mà chúng tôi hỏi những người đã kết hôn là "Làm thế nào bạn quyết định kết hôn/chuyển vào sống chung? Mối quan hệ của bạn giống như các mối quan hệ trước đây như thế nào?" Đối với những

người không có đối tác, chúng tôi hỏi "Bạn tìm kiếm những điều gì trong một mối quan hệ? Bạn muốn cam kết hoặc kết hôn với kiểu người như thế nào? Bạn nghĩ điều này sẽ xảy ra khi nào?" Hầu hết các cuộc phỏng vấn diễn ra tại nhà của người tham gia hoặc các địa điểm khác do người trả lời chọn để người tham gia có thể cảm thấy thoải mái và thư giãn. Thời gian phỏng vấn kéo dài từ 2 đến 4 giờ và, tổng cộng, tạo ra hơn 12.000 trang bản gốc. Mỗi người tham gia được trả một khoản tiền thưởng cho cuộc phỏng vấn từ 25 đến 75 đô la. Tất cả người tham gia đã hoàn thành quá trình đồng ý thông tin một cách nghiêm ngặt và được hứa hẹn bảo mật tuyệt đối. Trong phạm vi sau cùng, tất cả tên người trả lời và các địa điểm cụ thể được đề cập đến trong đây, ngoại trừ các khu vực đô thị lớn, đều là bí danh. Tất cả các cuộc phỏng vấn đều được ghi âm với sự đồng ý của người được phỏng vấn và sau đó được phiên âm và mã hóa sử dụng phần mềm phân tích dữ liệu định tính ATLAS.ti.

Mã hóa và Phân tích

Các quy trình mã hóa chính thức cho nghiên cứu liên quan đến người mã hóa và nhà điều tra chính làm việc cùng nhau để thiết lập một tập hợp mã chung, phù hợp với cuộc thảo luận của LaRossa (2005) về việc sử dụng phương pháp lý thuyết tiềm ẩn. Các nhà điều tra chính và người mã hóa phát triển một tập hợp mã rộng dựa trên việc đọc sớm các bản gốc phỏng vấn cũng như các giả thuyết về những chủ đề có thể phát triển. Những chủ đề này bao gồm các danh mục rộng như cộng đồng, giáo dục, việc làm, mối quan hệ, tình dục, gia đình, và chính trị. Độ tin cậy giữa các người mã hóa được đánh giá tại một số điểm trong quá trình mã hóa, và mức độ phù hợp dao động từ 88% đến 93%. Một khi mã hóa mở ban đầu (LaRossa, 2005) hoàn tất, nhà điều tra và người mã hóa quay lại và mã hóa các bản gốc một cách chi tiết hơn. Danh sách mã này khá rộng lớn, và một ví dụ nhanh có thể được thấy bằng cách nhìn vào mã mở "mối quan hệ" và các mã chi tiết hơn như "mối quan hệ-tình yêu", "mối quan hệ-kỳ vọng", hoặc "mối quan hệ-ly hôn". Lớp mã hóa thứ hai này sử dụng một cách tiếp cận suy luận hơn khi các chủ đề chi tiết phát triển từ việc đọc kỹ hơn các bản gốc, điều mà

LaRossa (2005) gọi là mã hóa trực. Cuối cùng, các tác giả sử dụng mã hóa lựa chọn để tạo ra kết quả cho bài viết này, dựa vào các mã rộng như "mối quan hệ", "con cái", "kỳ vọng", và các mã chi tiết hơn trong số đó để kể câu chuyện về ý nghĩa của hôn nhân trong nhóm người trả lời này. Phần mềm ATLAS.ti cho phép người dùng phân tích thêm các mã này theo "gia đình". Gia đình là các danh mục rộng của người cung cấp thông tin và được xác định theo các đặc điểm dân số như giới tính, chủng tộc, tuổi tác, và tình trạng kinh tế xã hội. Điều này cho phép các tác giả phân tích trích dẫn không chỉ theo giới tính của người trả lời mà còn kết hợp với tiêu chí khác như tuổi tác hoặc tình trạng kinh tế xã hội. Do đó, các bản gốc phỏng vấn không được kiểm tra riêng lẻ cho mỗi địa điểm, nhưng các chủ đề trên các địa điểm được phân tích để các danh mục rộng hơn có thể được kiểm tra. Bài viết này chủ yếu dựa trên dữ liệu về mối quan hệ, bao gồm một số câu hỏi về hôn nhân. Tuy nhiên, ngoài dữ liệu từ phần mối quan hệ của bảng câu hỏi, người tham gia cũng đề cập đến hôn nhân trong các phần khác của cuộc phỏng vấn, và dữ liệu đó cũng được bao gồm trong phân tích. Đối với phân tích dựa trên lớp (class-based analysis), chúng tôi sử dụng trình độ học vấn của người trả lời làm đại diện cho phân lớp chủ yếu (class level mainly) vì số lượng lớn người nhập cư trong mẫu San Diego và New York khiến trình độ học vấn của cha mẹ trở thành công cụ gây hiểu lầm, do số lượng lớn trẻ em di cư lên cao (? Có thể hàm ý của câu này là trình độ học vấn của trẻ em di cư thường được cải thiện hơn rất nhiều trình độ học vấn của cha mẹ).

Hai trong số các tác giả phân tích tất cả đầu ra mã hóa về mối quan hệ để tìm ra các chủ đề xuất hiện trong cách người trả lời nói về hôn nhân, và, tại mỗi giai đoạn phân tích, họ cùng nhau đưa ra các giả thuyết, sau đó sau đó được kiểm tra trên dữ liệu. Ở các giai đoạn khác nhau, tất cả các tác giả đều đọc toàn bộ bản gốc kết hợp với các đoạn mã hóa để điều tra kỹ hơn các lần lặp lại của người trả lời và đảm bảo rằng các đoạn mã hóa không bị xem một cách tách biệt khỏi bối cảnh của câu chuyện hoàn chỉnh của mỗi người tham gia. Quy trình phân tích mà

chúng tôi sử dụng đã giúp chúng tôi xác định hai hạng mục chính của người trả lời - những người coi hôn nhân là tự nhiên và những người lập kế hoạch hôn nhân - những người đại diện cho các quan điểm riêng biệt về hôn nhân và vị trí của nó trong cuộc sống của họ. Điều quan trọng cần lưu ý là những hạng mục này là các biểu đạt xung quanh đó có một số sự biến đổi, nhưng đa số dữ liệu tập trung ở đó.

Hai hạng mục mà chúng tôi mô tả dưới đây xuất hiện từ dữ liệu như những điểm đặc biệt xung quanh đó, câu chuyện về hôn nhân được sắp xếp. Chúng tôi không gộp nhiều hạng mục thành hai nhóm chính vì mục đích phân tích của chúng tôi. Thay vào đó, thông qua các giai đoạn phân tích dữ liệu mà các tác giả đã tiến hành, rõ ràng là có hai cách chính mà người trả lời nói về hôn nhân và để thể hiện dữ liệu theo bất kỳ cách nào khác sẽ là đặt ra các hạng mục không tồn tại. Mẫu của chúng tôi không ngẫu nhiên, và có khả năng tồn tại các biểu đạt khác nhưng đó là một câu hỏi thực nghiệm cho nghiên cứu trong tương lai ở lĩnh vực này. Chúng tôi tự tin rằng trong dữ liệu của chúng tôi chỉ có hai loại câu chuyện, và trong phần tiếp theo, chúng tôi thảo luận về mỗi hạng mục này, sử dụng các trích dẫn đại diện để làm nổi bật các điểm trong lập luận, và chúng tôi xem xét quan điểm của mỗi nhóm về cam kết, mối quan hệ và tương lai của hôn nhân.

Kết quả

Những người coi hôn nhân là tự nhiên (the marriage naturalists)

Những người coi hôn nhân là tự nhiên chiếm 18% mẫu của chúng tôi và, ngay từ cái nhìn đầu tiên, họ giống như những người Mỹ trẻ tuổi trong những năm 1950 và 1960 về con đường chung của họ đến tuổi trưởng thành và quan điểm cụ thể của họ về hôn nhân và hình thành gia đình. Đối với những người coi hôn nhân là tự nhiên, quá trình chuyển sang tuổi trưởng thành diễn ra sớm hơn trong quãng đời của họ, và phần lớn, họ đạt được các dấu mốc của tuổi trưởng thành theo trình tự. Theo ngôn ngữ của Osgood, Ruth, Eccles, Jacobs và Barber (2004), họ

là những người "bắt đầu nhanh" và đối với họ, hôn nhân diễn ra nhanh chóng và không có những khủng hoảng hiện sinh (existential crises), tức là, họ chuyển một cách liền mạch vào hôn nhân. Những người coi hôn nhân là tự nhiên cũng chính là những người đến từ Iowa và hơn nữa là những người Iowa đã ở lại hoặc trở lại thị trấn nhỏ nơi họ lớn lên. Mặc dù có những người trẻ ở các địa điểm khác từ các nền kinh tế kém hơn đã kết hôn ở tuổi rất trẻ, đôi khi là sau khi mang thai, nhưng đến thời điểm chúng tôi phỏng vấn họ, những liên minh này đã tan vỡ hoặc đầy căng thẳng. Thực tế, hầu hết những người trả lời này bây giờ coi việc bước vào hôn nhân nhanh chóng là một sai lầm. Điều quan trọng để hiểu về những người coi hôn nhân là tự nhiên không chỉ đơn giản là tuổi họ kết hôn, mà là ngôn ngữ mà họ sử dụng để hiểu về lựa chọn của họ, nói cách khác, hôn nhân có nghĩa là gì đối với họ. Những người coi hôn nhân là tự nhiên không chỉ độc đáo vì họ kết hôn sớm và có khả năng cao hơn đã có "hôn nhân bắn súng / shotgun weddings [đám cưới được tổ chức nhanh do việc mang thai trước / cưới chạy bầu]," nhưng họ cũng khác biệt vì, không giống như những người lập kế hoạch hôn nhân, họ coi hôn nhân là kết quả không thể tránh khỏi của một mối quan hệ lãng mạn. Ngược lại, những người lập kế hoạch hôn nhân, bất kể nền kinh tế, dân tộc, hay sắc tộc của họ, tin rằng một cuộc hôn nhân chỉ có thể xảy ra sau khi một mối quan hệ được kiểm tra kỹ lưỡng, các đối tác đã hoàn thành mục tiêu kinh tế và giáo dục, và mỗi đối tác đã đạt được tâm lý hôn nhân (marriage mentality).

Ít nhất một phần lý do cho việc kết hôn sớm của những người coi hôn nhân là tự nhiên là cách cơ hội được cấu trúc trong ngữ cảnh nông thôn này, cụ thể là sự kết hợp giữa nền kinh tế nông nghiệp - công nghiệp và mức chi phí sinh hoạt thấp - đặc biệt là về nhà ở. Những điều kiện cấu trúc này cho phép các cặp đôi nông thôn đạt được độc lập kinh tế sớm hơn so với các người bạn đô thị của họ, và do đó, củng cố các chuẩn mực hiện hành khuyến khích kết hôn và sinh con sớm. Theo lời của một người phụ nữ 26 tuổi ở Iowa đã kết hôn, cô có bằng cử nhân đại học cộng đồng, kết hôn ở tuổi 22, cô ấy cảm thấy sẵn sàng cho hôn nhân vì

"thời gian đã đúng / the time was right." Cặp đôi đã chuyển vào một ngôi nhà thuê-mua (rent-to-own house / một dạng hợp đồng thuê nhà, nhưng có quyền mua sau đó nếu muốn), và cô ấy và chồng đang làm việc toàn thời gian, cũng như không còn phụ thuộc vào gia đình họ về mặt tài chính.

Bạn biết đấy. Anh ấy có công việc, tôi cũng có công việc. Cả hai đều cảm thấy, bạn thấy đấy, ổn định với mọi thứ vậy (cười). [Phòng vấn viên: Vậy lúc đó cuộc sống của bạn như thế nào? Giống như điều gì khiến bạn quyết định kết hôn vào lúc đó thay vì chờ đợi thêm?] Ừm, tôi nghĩ vì chúng tôi cảm thấy thật sự là, ý là không có lý do gì để phải chờ đợi thêm cả.

Chính vì khó tưởng tượng những người 22 tuổi ở New York, San Diego, hoặc Minnesota đã hoàn thành việc học, ổn định trong lực lượng lao động toàn thời gian, và tự lực kinh tế, ngữ cảnh xã hội của cuộc sống hôn nhân tự nhiên phải được hiểu là không thể thiếu trong việc duy trì định hướng đặc biệt của họ đối với hôn nhân.

Đối với những người coi hôn nhân là tự nhiên, sống ở vùng nông thôn Iowa cũng có nghĩa là họ sống trong một thế giới xã hội nơi, mà theo lời của một người phụ nữ Iowa 28 tuổi có bằng cử nhân đã "chờ đợi" đến giữa 20 tuổi để kết hôn, "ở đây, 24 tuổi kết hôn đã là muộn rồi." Hết lần này đến lần khác, chúng tôi nghe rằng những người coi hôn nhân là tự nhiên coi hôn nhân là bước tiếp theo dự kiến trong một mối quan hệ đã kéo dài một thời gian. Một người đàn ông tốt nghiệp đại học 24 tuổi sống ở nông thôn Iowa, đã kết hôn ở tuổi 22, nói rằng anh ấy và vợ anh ấy biết rằng nhiều người trì hoãn bước vào tuổi trưởng thành và hôn nhân, nhưng họ tự ý chọn con đường tự nhiên truyền thống hơn vì họ tin rằng có một lịch trình mà một người nên tuân theo trên đường đến tuổi trưởng thành.

Chúng tôi không thảo luận quá nhiều về [hôn nhân], tôi chỉ hỏi cô ấy vì

chúng tôi đã hẹn hò rất lâu. Tôi có một lịch trình mà tôi nghĩ là cách thông minh để làm điều đó. Tôi nghĩ tôi sẽ tốt nghiệp trung học, tốt nghiệp đại học, có một công việc và sau đó kết hôn và sau đó có con, hai, ba, bốn năm sau. Tôi tự hào về điều đó... [hôn nhân] là điều tiếp theo cần làm. Tôi đoán, bạn thấy đấy, tôi hầu như biết rằng cô ấy là người mà tôi muốn dành phần còn lại của cuộc đời mình, nên tôi nghĩ đó là bước tiếp theo, đó là bước cuối cùng mà bạn có thể thực hiện.

Một đặc điểm độc đáo khác của những người coi hôn nhân là tự nhiên, phân biệt họ với những người lập kế hoạch hôn nhân, là họ coi hôn nhân và gia đình là những mục tiêu nổi lên đầu danh sách ngăn các mục tiêu có thể chiếm lĩnh trong giai đoạn này của cuộc sống. Nhiều người trẻ Iowa nói rằng cuộc sống trong một thị trấn nhỏ có nghĩa là có ít việc để làm và họ có ít lựa chọn hơn. Mặc dù những người lập kế hoạch hôn nhân có những mục tiêu khác cạnh tranh, những người coi hôn nhân là tự nhiên nói chung có khả năng cao hơn nói rằng họ kết hôn vì "không có gì khác để làm / there is nothing else to do."

Theo một người phụ nữ 24 tuổi, đã ly hôn và tái hôn, là người nội trợ ở Iowa và có bằng cử nhân từ một trường cao đẳng cộng đồng, cuộc sống ở "thành phố lớn" dạy bạn rằng có nhiều điều hơn trong cuộc sống so với việc "bắt đầu một gia đình". Nhưng "ở các thị trấn nhỏ hơn, mọi người không nhìn thấy điều đó, vì vậy họ nghĩ, 'Tôi muốn kết hôn.'" Cô tiếp tục,

Không có gì khác để làm ở đây cả... Tôi chỉ nghĩ rằng tôi cần phải kết hôn. Tôi muốn, tôi đoán là tôi muốn chơi trò gia đình (play house) và đó là cách duy nhất để làm điều đó, kết hôn thôi. Tôi đã hẹn hò [với chồng tôi] trong thời gian dài, hẹn hò anh ấy từ khi tôi 16 tuổi, và tôi nói với bản thân, "Ồ, thôi, hãy kết hôn... [Như kiểu bạn] nghĩ bạn biết bạn là ai [sớm trong cuộc sống]."

Thật vậy, đây là niềm tin mạnh mẽ vào một lịch trình (strong belief in a

schedule), đó là một yếu tố trung tâm của quan điểm tự nhiên về hôn nhân. Như đã nói ở trên, không có câu hỏi nào rằng việc sống ở Iowa tạo ra một ngữ cảnh xã hội nơi dễ dàng hơn để tuân theo lịch trình này. Hơn nữa, trong các ngữ cảnh xã hội khác, thay vì một lịch trình, dường như những người lên kế hoạch hôn nhân có một danh sách mua sắm những thứ họ cần trước khi họ cưới, và, như chúng ta sẽ thấy sau, không có thứ tự cụ thể nào họ phải tuân theo trong việc có được chúng.

Chúng tôi cũng thấy sự hỗ trợ cho việc theo học ở một trường đại học 4 năm tạo ra sự trì hoãn tự nhiên cho hôn nhân (ví dụ: Axinn & Thornton, 2000; Sweeney, 2002) mặc dù việc đi học không phải là lý do duy nhất để hoãn hôn nhân. Giáo dục bậc cao và sự nghiệp tốt hơn, là các mục tiêu liên kết với trải nghiệm của thế kỷ 21 về tuổi trưởng thành đang hình thành, làm giảm đi mong muốn kết hôn sớm của giới trẻ. Cả những người lên kế hoạch hôn nhân và những người tự nhiên về hôn nhân đều tin rằng việc kết hôn trong khi vẫn đang theo học đại học nói chung là điều không mong muốn. Theo một người vợ và mẹ 23 tuổi ở Iowa, đang làm việc tại một cửa hàng tiện lợi và kết hôn khi 17 tuổi, cô không nghĩ rằng cô sẽ theo "đường tắt" đến hôn nhân nếu cô đã theo học tại một trường đại học "thực sự" (hoặc 4 năm) thay vì một trường dạy nghề gần đó.

Tôi sẽ gặp được nhiều người khác. Tôi sẽ muốn tự do và chỉ muốn vui vẻ và làm những điều mang tinh thần tự do ở trường đại học... [kết hôn khi còn trẻ] là một điều thuộc về thị trấn nhỏ... bạn cũng nên [kết hôn] vì bạn đã ở bên nhau rất lâu rồi và nó không tạo ra thêm sự khác biệt.

Lớn lên ở nông thôn Iowa, quê hương của mình, một sinh viên luật độc thân 24 tuổi đang theo học tại Đại học Iowa nói rằng, anh ấy bắt đầu như một người tự nhiên về hôn nhân vì anh ấy cũng tin rằng "22 hoặc 23 tuổi [là] độ tuổi thích hợp để kết hôn." Sau khi dành bảy năm cho giáo dục đại học, được vây quanh bởi những người trẻ tuổi thuộc tầng lớp thượng lưu và có khả năng thăng tiến, họ có khả năng trì hoãn quá

trình chuyển sang tuổi trưởng thành, anh đã trở thành một người lên kế hoạch hôn nhân, vì, như anh giải thích, "còn rất nhiều điều mà tôi muốn làm."

Tôi nghĩ có điều gì đó về [quê hương của tôi], những người ở lại đó thường kết hôn nhanh hơn và chúng tôi chỉ mới nói về điều này tối qua. Chúng tôi có một người bạn đến thăm. Cô ấy có ý nghĩ rằng cô ấy cần phải kết hôn ngay bây giờ, hoặc đính hôn vì tất cả bạn bè cô ấy đều đã làm vậy. Tôi chỉ như là "không còn giống những người 20 tuổi đang sắp kết hôn nữa."

Chúng tôi thấy rằng trải nghiệm theo học tại một trường đại học 4 năm, được vây quanh bởi những người trẻ tuổi xem hôn nhân như một điều họ sẽ đạt được "trong tương lai" có tiềm năng biến những người tự nhiên về hôn nhân thành những người lên kế hoạch hôn nhân.

Những Người Tự Nhiên về Hôn Nhân và Cam Kết

Trong một thế giới nơi việc kết hôn chỉ đơn giản là xảy ra, không có sự tự nghi ngờ (self-doubt) hoặc lo lắng về việc sẵn sàng để thực hiện cam kết cuối cùng. Những mối quan hệ kéo dài "trong một khoảng thời gian nhất định" dẫn đến hôn nhân, một cách dễ dàng và không thể tránh khỏi. Mặc dù mối quan hệ của những người tự nhiên về hôn nhân có thể kéo dài 5 hoặc 6 năm, quyết định kết hôn không đòi hỏi việc thử nghiệm và đánh giá một mối quan hệ như những người lên kế hoạch hôn nhân. Những người tự nhiên và những người lên kế hoạch đều tin tưởng rằng bạn không thể kết hôn trong khi bạn đang học hoặc sống tại nhà, nhưng trong khi những người lên kế hoạch sẽ sinh con và sống chung khi họ tiến tới "sẵn sàng", những người tự nhiên tin rằng nếu một mối quan hệ tồn tại trong một khoảng thời gian, và bạn đã tham gia vào lực lượng lao động và có thể chi trả cho hộ gia đình riêng của mình, hôn nhân là bước tiếp theo hợp lý. Ở đây, một người đàn ông 29 tuổi tốt nghiệp trung học, làm việc như một thợ máy ở vùng nông thôn Iowa, đã kết hôn khi 23 tuổi, mô tả cách chuyển đến "cấp độ" hôn nhân của cam kết trở nên dễ

dàng với những người tự nhiên.

[Kết hôn] chỉ dường như là điều cần làm, tôi đoán vậy. Chúng tôi đính hôn khi còn học trung học. [Mọi thứ] chỉ cần khớp, [chúng tôi] cơ bản là hòa hợp, sống hòa thuận, và chúng tôi đã đính hôn trong hai năm. Tôi không định làm bất cứ điều gì cho đến khi cô ấy tốt nghiệp từ trường cao đẳng [cộng đồng]... Nhưng sau khi cô ấy tốt nghiệp, mọi thứ vẫn tiếp tục tốt đẹp, và chúng tôi đã kết hôn vào tháng Chín khi cô ấy ra trường.

Cam kết sau đó là một bước quan trọng trên con đường trở thành một người lớn, và hôn nhân chính là biểu tượng rõ ràng của tuổi trưởng thành. Nhưng cam kết không phải là điều được phân tích, lên kế hoạch, hoặc lo lắng không ngừng. Một người Iowa đã kết hôn, 26 tuổi, đang làm việc như một thư ký, giải thích rằng những người trẻ tuổi theo con đường truyền thống đến hôn nhân "cảm thấy như [hôn nhân] là cách họ [cho mọi người thấy] họ đang lớn lên và... họ không còn là trẻ con nữa." Theo lời của một người phụ nữ Iowa, 29 tuổi có bằng cử nhân, đã kết hôn khi 21 tuổi, hôn nhân là cách để cô bắt đầu "cuộc sống thực sự" của mình:

Tôi nhìn lại và tôi biết khi tôi 21 tuổi tôi đang nghĩ, 'Khi nào chúng ta sẽ kết hôn?' Ở [quê hương của tôi], rất nhiều người kết hôn với những người mà họ đã quen biết ở đây, và vì vậy tôi đoán đó là một quá trình tự nhiên của mọi thứ.

Những người tự nhiên về hôn nhân có một bộ yêu cầu khiêm tốn hơn cho hôn nhân, và một khi họ đạt được, việc xây dựng cuộc sống chung với nhau dường như được ưa chuộng hơn so với sự ưu tiên của những người lên kế hoạch hôn nhân cho việc theo đuổi mục tiêu cuộc sống cá nhân. Ở đây một chuyên gia 29 tuổi, được đào tạo đại học ở Iowa, tóm tắt lý do tại sao anh ấy và vợ đã từ chối con đường lên kế hoạch hôn nhân mà đã cấu trúc cuộc sống bần hàn của họ từ đại học và chọn con đường tự nhiên truyền thống hơn. Đáng chú ý ở đây là ngữ cảnh ở lại

nông thôn Iowa dường như có ảnh hưởng hơn trường học vì người trả lời này có trình độ học vấn cao.

[Đó là] mùa hè sau khi tôi tốt nghiệp đại học và cô ấy mới bắt đầu năm cuối cùng của mình ở đại học. Và chúng tôi biết rằng đó sẽ là một khoảng thời gian có tính chuyển đổi, tôi đoán, cho cả hai và cho chúng tôi, chúng tôi đã xác định rằng chúng tôi muốn thực hiện sự chuyển đổi đó cùng nhau và cùng nhau tiếp tục thay vì mỗi người đi theo ước mơ của mình [một mình].

Đối với những người lên kế hoạch hôn nhân, một đám cưới chỉ diễn ra sau khi người ta trở thành người lớn, và mỗi đối tác đã xây dựng cuộc sống riêng biệt, nhưng đối với những người theo chủ nghĩa tự nhiên trong hôn nhân, việc xây dựng cuộc sống chung như một cặp vợ chồng vẫn là cách tốt nhất để tạo ra một cuộc sống thực sự chín chắn và trưởng thành. Đối với chàng trai trẻ được trích dẫn ở trên, việc anh ấy và vợ anh ấy chọn chia sẻ cuộc sống chung - trong một liên minh hôn nhân hợp pháp - tương đối sớm trong quá trình sống cho thấy yếu tố đặc biệt nhất của quan điểm chủ nghĩa tự nhiên trong hôn nhân này. Đối với người theo chủ nghĩa tự nhiên, cách tốt nhất để bắt đầu cuộc sống là gắn kết trong một liên minh hôn nhân.

Tóm lại, những người theo chủ nghĩa tự nhiên trong hôn nhân chuyển sang hôn nhân sớm và, trong phạm vi này, con đường họ đi giống như những con đường mà nhiều người Mỹ trẻ tuổi đã đi qua ba và bốn thập kỷ trước. Chúng tôi đoán rằng có nhiều cơ hội để độc lập kinh tế sớm trong quá trình sống, kết hợp với các chuẩn mực xã hội hiện hành hỗ trợ sự chuyển đổi nhanh chóng sang tuổi trưởng thành đã định rõ vào giữa thế kỷ 20, giữ cho thời khắc truyền thống và định hướng đến hôn nhân mạnh mẽ. Những người theo chủ nghĩa tự nhiên trong hôn nhân chuyển sang hôn nhân và coi sự cam kết như một hành động tự nhiên, ít khi được kiểm tra và hầu như vô thức. Ngược lại, như chúng tôi sẽ chứng minh, những người lên kế hoạch hôn nhân không vội vàng vào các liên

minh hôn nhân chính thức (formalized conjugal unions) và họ thể hiện một định hướng khác biệt về chất lượng đối với sự cam kết.

Những Người Lên Kế Hoạch Hôn Nhân [The Marriage Planners]

Việc chuyển nhanh (fast-tracking) vào hôn nhân và gia đình truyền thống xác định rõ cuộc sống của những người theo chủ nghĩa tự nhiên trong hôn nhân không phù hợp với một thế giới rộng lớn ngày càng phức tạp nơi có quá nhiều khả năng cạnh tranh với thời gian và năng lượng của người trẻ tuổi đang trong quá trình trưởng thành (emerging adults). Như một nhóm, những người lên kế hoạch hôn nhân là những người trẻ tuổi tiêu biểu mà các học giả (Arnett, 2000; Mitchell, 2006a; Shanahan, 2000) đã mô tả như đang trải qua một quá trình chuyển đổi kéo dài (elongated) hơn và lộn xộn (haphazard) hơn sang tuổi trưởng thành (adulthood). Những người lên kế hoạch hôn nhân không kết hôn sớm trong đời, và họ đạt được các tư cách liên quan đến tuổi trưởng thành muộn hơn trong giai đoạn cuộc sống của họ so với những người theo chủ nghĩa tự nhiên trong hôn nhân. Những người lên kế hoạch hôn nhân cũng [tính theo trung bình] có tỷ lệ tham gia vào giáo dục cao hơn nhiều, mặc dù ngữ cảnh kinh tế xã hội và chuẩn mực có thể ảnh hưởng nhiều hơn trong việc hình thành các kế hoạch. Như chúng tôi đã thảo luận trước đó, đại học cung cấp một lý do để trì hoãn gánh nặng và trách nhiệm của tuổi trưởng thành, và nó cũng cho phép người trẻ tuổi một nơi để thử nghiệm với các tùy chọn khác nhau.

Theo một phụ nữ 25 tuổi đang sống tại New York hiện đang theo học tại một trường đại học 4 năm và làm việc toàn thời gian, “bạn chỉ có thể sẵn sàng cho hôn nhân sau khi bạn đạt được mục tiêu cá nhân về giáo dục và an ninh kinh tế (economic security)”. Cô tiếp tục liệt kê thứ tự đạt được những thành tựu này.

Tôi hy vọng rằng trong 5 năm tới, tôi sẽ hoàn thành bằng cử nhân và thạc sĩ của mình. Tôi hy vọng sẽ được làm giáo viên... hạnh phúc và hài

lòng với [nghề nghiệp của mình]. Tôi hy vọng rằng tôi sẽ có nhà của riêng mình, nếu không phải của riêng mình, thì sẽ là một ngôi nhà với mẹ tôi. Tôi hy vọng rằng nếu tôi chưa kết hôn, thì ít nhất là tôi sẽ ở bên người mà tôi quan tâm và có kế hoạch hôn nhân, nhưng tôi không nhất thiết phải kết hôn. Nhưng, điều quan trọng số một là các mục tiêu giáo dục và tiếp theo đó, tôi hy vọng sẽ có tình hình tài chính ổn định và cảm thấy hài lòng.

Những người lên kế hoạch cũng khẳng định rằng sự phát triển cá nhân và trưởng thành nên đến trước hôn nhân. Ví dụ, mặc dù người phụ nữ 24 tuổi này sống tại New York với bằng cử nhân, và tin rằng bạn trai của cô "là người dành cho cô", cô khẳng định cả hai người họ cần phải trưởng thành riêng biệt trước khi họ có thể chuyển sang một mức độ cam kết cao hơn. Cô nói, "Tôi cảm thấy như tôi cần phải trưởng thành độc lập và cùng nhau trước khi chúng tôi có thể kết hôn hoặc có con." Đối với một người phụ nữ 25 tuổi sống tại San Diego với bằng cử nhân sống với bạn trai của mình, đây là mối quan hệ đáng kết hôn nhất mà cô từng có. Mặc dù cô không thể tìm ra điều gì sai với bạn trai của mình, hoặc với mối quan hệ, thì hôn nhân sẽ vẫn là một sự kiện xảy ra trong tương lai [ý là không phải ngay bây giờ dù các điều kiện khá ổn].

Chúng tôi đã là bạn thân trong vòng một năm trước khi trở thành một cặp. Tôi vẫn thực sự đánh giá cao mặt đó của mối quan hệ của mình. Chúng tôi có sự giao tiếp rất ổn và chúng tôi chia sẻ nhiều sở thích... Tôi không chắc có một phẩm chất duy nhất mà tôi không thích ở anh ấy không. [Người phỏng vấn: Vậy tại sao bạn không lên kế hoạch hôn nhân?] Chà, không phải vì tôi không muốn kết hôn với anh ấy, nhưng vì tôi không muốn kết hôn vào thời điểm này.

Hết lần này đến lần khác (over and over again), chúng tôi nghe cách mà người trẻ tuổi cảm thấy họ không có thời gian cho mối quan hệ và hôn nhân. Thật vậy, có vẻ như việc chia sẻ cuộc sống của bạn với ai đó trong hôn nhân được coi là không tương thích với việc theo đuổi mục

tiêu cá nhân và nghề nghiệp chuyên môn cao một cách thành công. Như một người đàn ông 25 tuổi sống tại San Diego đang theo học tại một trường đại học 4 năm và làm việc toàn thời gian nói,

Tôi bận rộn với trường học và công việc đến nỗi bây giờ tôi nghĩ rằng tôi thực sự không có thời gian cho một mối quan hệ. Tôi rất muốn có một mối quan hệ đấy chứ, nhưng tôi thực sự cảm thấy tôi sẽ không dành đủ thời gian cho nó. Tôi nghĩ rằng nếu nó đến và xảy ra, tôi sẽ dành thời gian cho nó nhưng khi tôi nghĩ về điều đó ở thời điểm này, theo quan điểm của mình, tôi sẽ nói rằng: tôi có lẽ sẽ không có thời gian.

Không ai trong số những người lên kế hoạch hôn nhân nói cụ thể về chuyện tán tỉnh (courtships), nhưng, thực tế, có một khái niệm rõ ràng rằng mối quan hệ phải phát triển theo thời gian, được kiểm tra, và cuối cùng chuyển sang "cam kết tuyệt đối / absolute commitment" mà một đám cưới chính là đại diện. Những rào cản làm chậm tiến trình của người trẻ tuổi trên con đường hướng đến hôn nhân cung cấp những cái nhìn sâu sắc vào ý nghĩa của hôn nhân. Những người lên kế hoạch hôn nhân nói rất nhiều về việc sẵn sàng, hoặc không, cho hôn nhân. Sẵn sàng có nghĩa là cảm thấy ổn định, trưởng thành, và đã đạt được mục tiêu cá nhân, giáo dục, và sự nghiệp. Sự tập trung của những người lên kế hoạch vào công việc, trường học, và thậm chí cả việc nuôi dạy trẻ em là hoàn toàn không tương thích với công sức tình cảm cần thiết cho các mối quan hệ cam kết mà tồn tại trong hôn nhân. Tốc độ nhanh chóng của cuộc sống, chi phí cao của nhà ở, yêu cầu hoàn thành giáo dục, thách thức của thị trường lao động, và một ngữ cảnh xã hội làm cho người trẻ tuổi dễ dàng tận hưởng lợi ích của hôn nhân mà không có nghĩa vụ, làm cho quá trình chuyển sang hôn nhân ở người trẻ tuổi tại các khu vực đô thị cẩn thận hơn. Người phụ nữ 30 tuổi này sống tại New York với bằng cử nhân kể lại những khó khăn của mối quan hệ từ xa của mình và lý do tại sao hôn nhân đại diện cho một mục tiêu xa xôi, xa xỉ. Đối với cô và bạn trai của mình, việc ở lại trong một mối quan hệ lâu dài hơn được cảm nhận như đang cố gắng biên đạo một vở ballet

nơi hai vũ công chính dường như không sẵn lòng hoặc không thể tiến gần hơn với nhau.

Chúng tôi đã nói về việc kết hôn và sống chung nhưng điều đó có khó khăn khi chúng tôi không có cơ hội để gặp nhau. Đó không phải là, "Này, anh đang làm gì? em muốn đến nhà anh." Mọi thứ rất có chiến lược, như được lên kế hoạch cẩn thận. Tôi vừa mua một căn hộ [ở New York] và anh ấy vừa mua một căn ở Boston. Đừng hỏi tôi [rằng] chúng tôi đang làm gì, bởi vì bà tôi nói với tôi, "Các cháu thậm chí không cố gắng ... để tiếp cận gần nhau hơn." Giống như chúng tôi đang bị chìm trong tình hình hiện tại của [riêng] mình ... Chúng tôi chưa thực sự nói rằng sau một năm nữa [hãy đánh giá lại kế hoạch của chúng tôi] bởi vì chúng tôi không muốn đặt bất kỳ áp lực nào lên bản thân mình.

Đối với một người đàn ông ở San Diego đang học y khoa, đã hẹn hò với bạn gái của mình trong 6 năm và bây giờ đang sống chung với cô ấy, mối quan hệ của họ đang từ từ tiến tới hôn nhân. Mặc dù anh ấy không tỏ ra lo lắng về bạn gái của mình hoặc chất lượng mối quan hệ của họ, không có dấu hiệu nào cho thấy hôn nhân là ưu tiên hàng đầu.

Ý tôi là, chúng tôi chắc chắn đang nói về việc kết hôn. Đặc biệt là bây giờ, bạn biết đấy, có khả năng rằng chúng tôi sẽ [xa cách] ... nó đã đặt ra vấn đề. Liệu mối quan hệ từ xa này có đáng không? Nó đang đi về đâu? Vì vậy, nó đã buộc chúng tôi phải suy nghĩ về điều đó. Chúng tôi đã có ý tưởng rằng, nếu mọi thứ diễn ra tốt đẹp và chúng tôi vẫn hạnh phúc và khỏe mạnh ngay cả khi ở xa nhau, bạn biết đấy, có thể chúng tôi sẽ đính hôn vào một thời gian nào đó trong thời gian học y và kết hôn sau khi tốt nghiệp. Và cố gắng, bạn thất đấy, thực hiện cuộc sống chung. Vì vậy, chúng tôi chắc chắn đã nói về tương lai. Nhưng sẽ có nhiều thay đổi trong vài tháng tới ... thật khó để chắc chắn rằng chúng tôi sẽ kết hôn.

Cuối cùng, đối với cặp đôi này, điều quan trọng hơn mối quan hệ và

tương lai chung là mục tiêu nghề nghiệp cá nhân của họ. Không chỉ ý tưởng về việc thực hiện một cam kết lâu dài cảm thấy mơ hồ và không chắc chắn, trong những lời bình luận của anh ấy, người ta cũng nhận thấy rằng việc kết hôn chỉ được đề cập như một điểm thảo luận - như một sản phẩm phụ của mục tiêu nghề nghiệp và trường y. Thực sự, việc mục tiêu giáo dục và nghề nghiệp che mờ ý nghĩa của việc xây dựng cuộc sống chung là một đặc điểm trung tâm của việc sắp xếp lên kế hoạch.

Kế Hoạch Hôn Nhân và Cam Kết

Nếu những người theo hướng hôn nhân tự nhiên xem cam kết như một điều xảy ra tự động, những người lập kế hoạch hôn nhân hiểu cam kết như một nỗ lực không ngừng nghỉ mà trong đó các đối tác lãng mạn bắt đầu nghĩ về nhau như một cặp, thay vì chỉ là bạn và tôi. Dữ liệu cho thấy rằng đối với những người lập kế hoạch, cam kết phải được đạt được bằng cách hiểu rõ về đối tác của mình, trải qua quyết định và thất bại cùng nhau, học cách giao tiếp, phát triển một cảm giác tin tưởng lẫn nhau, và tin rằng mối quan hệ của họ có một điều gì đó không thể tránh khỏi; đó là, họ là "người đúng / right person" cho nhau. Cho rằng mối quan hệ phát triển trong một khoảng thời gian dài, những người được hỏi mô tả việc sống chung không phải là một sự thay thế cho hôn nhân, mà thay vào đó là một giai đoạn trung gian - một cuộc diễn tập - cho các cặp đôi đang thực hiện hướng tới cam kết tuyệt đối của hôn nhân [marriage's absolute commitment] (xem thêm Brown, 2000). Những người tự nhiên về hôn nhân cũng sống chung, nhưng họ làm như vậy ít hơn về mặt số lượng và trong một ngữ cảnh nơi hôn nhân rõ ràng là kết quả được lên kế hoạch cho tình hình sống của họ. Người phụ nữ New York 30 tuổi, đã qua đại học, mô tả mối quan hệ của mình là "chiến lược" và "được lên kế hoạch", cảm thấy sẵn lòng sống chung, nhưng không phải kết hôn, với bạn trai hiện tại của mình. Mặc dù cô ấy mô tả hôn nhân như một nhãn, đó là một nhãn, cô ấy nói vậy, cô ấy muốn dành cho bản thân mình vào một thời điểm nào đó trong tương lai. Cô giải thích:

Tôi không rõ là mình có nên kết hôn hay không (I wouldn't know how to be married or not), đó giống như một nhẵn đối với tôi. Đó là điều tôi muốn làm, nhưng tôi không chắc chắn nó sẽ làm cho mối quan hệ của chúng tôi mạnh mẽ hơn hay tốt hơn. Tại thời điểm này, tôi chỉ muốn sống chung, sau đó chúng tôi có thể dành nhiều thời gian hơn cho nhau và đó sẽ là điều tốt nhất. Tôi nghĩ tôi sẽ rất sợ hãi về việc kết hôn vào thời điểm này. [Nhưng] Tôi muốn kết hôn và đây là lần gần nhất tôi có thể nói rằng tôi muốn kết hôn.

Những ví dụ nổi bật nhất về cách những người lập kế hoạch hôn nhân xem cam kết như một quá trình phát triển có thể là những bậc cha mẹ chưa kết hôn, thường là từ vị trí của tầng lớp thấp hơn. Khi sinh con ngoài hôn nhân, người trẻ nhận ra rằng cha mẹ nên muốn ở lại cùng nhau vì lợi ích của đứa trẻ. Nhưng, chuẩn tắc xã hội đang thay đổi - cụ thể là nỗi sợ ly hôn và sự giảm đi của sự kỳ thị đối với việc sinh con ngoài hôn nhân - đã khiến cho việc kết hôn vội vã đã trở thành quá khứ. Một người đàn ông San Diego 23 tuổi đang theo học một trường đại học bốn năm, làm việc toàn thời gian và nuôi dạy hai đứa trẻ với bạn gái của mình tượng trưng cho quan điểm của những người lập kế hoạch hôn nhân. Anh ấy khẳng định:

Hôn nhân là một điều bạn phải bỏ công sức là mới có được (marriage is something you earn) [in nghiêng thêm] ... Nếu [cô ấy] tốt nghiệp và [tôi] tốt nghiệp, bạn có thể bắt đầu làm việc và chúng tôi có thể chi trả [một đám cưới] và đó là khi bạn kết hôn. Điều đó xảy ra không chỉ là vì chúng tôi có một đứa con và đột nhiên chúng tôi kết hôn.

Đối với một người phụ nữ New York 25 tuổi đang sống chung, có bằng cử nhân, đã ở với cha của đứa trẻ của cô ấy trong 5 năm, hôn nhân chỉ đến khi cặp đôi có một số an ninh về kinh tế. Cô ấy và cha của đứa trẻ chủ động chống lại áp lực xã hội để kết hôn bởi vì họ vẫn không thể tự chi trả cho nơi ở riêng của mình, và do đó, họ chưa đạt được tiêu chuẩn

kinh tế cho hôn nhân (economic bar for marriage):

Thực ra, từ gia đình tôi, tôi đã nhận được áp lực [phải kết hôn], nhưng tôi đơn giản là không chấp nhận nó vì chúng tôi chưa sẵn sàng, mặc dù chúng tôi đã có một đứa con, nhưng chúng tôi chưa sẵn sàng để kết hôn. Về mặt tài chính, chúng tôi không thể đối phó với nó vì chúng tôi vẫn đang sống ở nhà mẹ tôi khi chúng tôi có con trai. Chúng tôi đang lên kế hoạch làm điều đó, vì vậy bất cứ khi nào chúng tôi sẵn sàng, chúng tôi sẽ làm nó.

Ngay cả trong trường hợp có một đứa trẻ chung, những người lập kế hoạch hôn nhân ngày nay trì hoãn việc bước vào hôn nhân để tối ưu hóa cơ hội của họ rằng họ đã chọn đúng đối tác và, chắc chắn hôn nhân của họ sẽ kéo dài. Năm mươi năm trước, những ràng buộc xã hội đối với việc sinh con ngoài giá thú sẽ khiến một người phụ nữ trẻ có một đứa bé (hoặc đang mang thai) chấp nhận lời cầu hôn của một người đàn ông. Sự do dự mà nhiều người trẻ tuổi hiện nay thể hiện đối với hôn nhân đến một phần từ vô số lựa chọn thay thế cho việc kết hôn, có một sự lo lắng sâu sắc rằng nhiều cuộc hôn nhân sẽ không thành công, có một bộ tiêu chuẩn rất cao về những gì được gán cho một cuộc hôn nhân thành công, và nhu cầu nhận thức về việc đạt được sự trưởng thành cá nhân và có các nguồn lực để an cư trước khi hình thành một gia đình.

Tư Duy Hôn Nhân và Tương Lai của Hôn Nhân

Những người theo chủ nghĩa tự nhiên hôn nhân và những người lên kế hoạch hôn nhân có những *tư duy hôn nhân (marriage mentality)* khác nhau, được định nghĩa là xu hướng chuyển đổi hôn nhân từ một ý tưởng lý tưởng thành hiện thực. Tư duy hôn nhân bao gồm việc chấp nhận chuẩn mực độc quyền cho mối quan hệ hôn nhân và đón nhận những trách nhiệm thay đổi cuộc sống mà tư cách vợ hoặc chồng đòi hỏi. Đối với những người theo chủ nghĩa tự nhiên hôn nhân, tư duy hôn nhân là dấu ấn của tuổi trưởng thành; bạn trở thành người lớn khi bạn kết hôn, trong khi đối với những người lên kế hoạch, người ta phải trở

thành người lớn trước khi tư duy hôn nhân có thể tồn tại. Những người theo chủ nghĩa tự nhiên có một xu hướng về hôn nhân phản ánh các hình thức hôn nhân đồng hành (companionate) và thậm chí hôn nhân thể chế (institutionalized), trong khi tư duy của những người lên kế hoạch thường đặc trưng hơn cho hôn nhân cá nhân hóa (individualized). Tư duy hôn nhân xuất hiện sớm hơn đối với những người theo chủ nghĩa tự nhiên và là một phần của mối quan hệ của họ, trong khi thái độ này đến chậm với những người lên kế hoạch và có thể độc lập với mối quan hệ.

Trong một ngữ cảnh xã hội nơi hôn nhân là một phần tự nhiên của tuổi trưởng thành sớm, như là trường hợp của những người theo chủ nghĩa hôn nhân tự nhiên, hôn nhân đến một cách không thể tránh khỏi từ một mối quan hệ kéo dài trong một khoảng thời gian nhất định. Những người theo chủ nghĩa kết hôn tự nhiên vì họ đã ở bên nhau một thời gian, và đây là điều được mong đợi. Khi một người Iowa 24 tuổi có bằng cử nhân kể lại cách anh ấy quyết định kết hôn, anh ấy minh họa sự xuất hiện "tự nhiên" của tư duy hôn nhân. Anh ấy nói,

Tôi đoán [hôn nhân] chỉ đơn giản là bước tiếp theo. Chúng tôi đã hẹn hò 7 hoặc 8 năm, suốt thời gian học trung học và đại học, vì vậy điều đó được cảm thấy hoàn toàn tự nhiên [in nghiêng thêm]. Đó là điều tiếp theo cần làm, tôi đoán, bạn cũng biết rồi đấy, tôi đã biết rằng cô ấy là người mà tôi muốn dành phần còn lại của cuộc đời mình, vì vậy tôi đoán đó là bước tiếp theo, đó là bước cuối cùng bạn có thể thực hiện.

Ngược lại, những người lên kế hoạch hôn nhân phát triển tư duy hôn nhân, và nó thường được coi là một phần của những thay đổi liên quan đến sự trưởng thành và không phải là một phần tự nhiên của một mối quan hệ. Bạn trở thành người lớn và sau đó tư duy hôn nhân có thể tồn tại độc lập với việc bạn đang ở trong một mối quan hệ hay không. Ví dụ, một người New Yorker, 27 tuổi có chứng chỉ nghề nghiệp mới gần đây hình thành tư duy hôn nhân ghi nhận một sự thay đổi nội tâm trong

chính mình không liên quan đến mối quan hệ hiện tại. Cô giải thích,

Tôi muốn kết hôn. Gần đây, tôi đã nghĩ, "Ồ, tôi muốn kết hôn." Tôi chưa từng nghĩ về điều đó. Bạn biết đấy, tôi đã thay đổi tư duy của mình [in nghiêng thêm]. Đó là gia đình, bạn thấy đấy, trước đây tôi thường nghĩ, "Tôi không quan tâm nếu tôi rời bỏ bạn trai, không sao cả." Bây giờ nó đã thay đổi. Tôi muốn có một gia đình. Tôi muốn có con. Tôi muốn điều đó. Tôi muốn kết hôn trong một nhà thờ.

Đối với một người New Yorker khác, 27 tuổi có bằng đại học và sự nghiệp chuyên nghiệp, anh ta đang cố gắng hình thành tư duy. Tại thời điểm này trong cuộc sống của mình, anh ấy muốn tự do khỏi những hạn chế.

Bạn không thể vội vàng vào hôn nhân... Tôi đã lớn tuổi hơn một chút và mọi thứ đã khác, nhưng về mặt tài chính, tôi chưa sẵn sàng. Và về mặt tâm lý [in nghiêng thêm], có những ngày tôi cảm thấy như tôi có thể và những ngày tôi cảm thấy như tôi muốn ở độc thân. Không phải vì tôi muốn đi chơi và những thứ như vậy đâu. Tôi cảm thấy như tôi không muốn về nhà với một người vợ.

Tư duy hôn nhân liên quan đến cách chuyển đổi sang tuổi trưởng thành diễn ra đối với từng nhóm này, và, như vậy, nó có hậu quả cho tương lai của hôn nhân. Những người theo chủ nghĩa tự nhiên chuyển sang tuổi trưởng thành nhanh chóng như những người hai thế hệ trước, trong khi những người lên kế hoạch chọn con đường thơ mộng để trở thành người lớn. Khi con đường thơ mộng ngày càng trở thành trải nghiệm chủ yếu để đạt được tuổi trưởng thành, thì tư duy hôn nhân sẽ ngày càng phụ thuộc vào việc trở thành người lớn trước, hơn là hôn nhân biểu thị tình trạng của việc gia nhập nhóm. Tương lai của hôn nhân dường như liên quan và không thể tách rời từ những thay đổi trong tuổi trưởng thành và nên được hiểu cùng với những thay đổi rộng lớn hơn này. Chúng tôi thảo luận về những phát hiện của chúng tôi đưa ra trong

các cuộc thảo luận bên dưới về sự suy giảm, sự kiên trì, hoặc sự phi thể chế hóa của hôn nhân.

Thảo Luận

Dữ liệu của chúng tôi có làm sáng tỏ những câu hỏi mà chúng tôi đã đặt ra trước đó không? Về những cuộc tranh luận đang diễn ra về sự suy giảm hoặc sự kiên trì của hôn nhân, ngay cả khi chỉ có 29% mẫu được phỏng vấn đã kết hôn, chúng tôi không tìm thấy nhiều bằng chứng về sự suy giảm về tầm quan trọng của hôn nhân trong số những người trẻ tuổi trong những năm hình thành gia đình của họ. Phần lớn, những người trẻ tuổi khẳng định họ coi trọng hôn nhân, và những người chưa kết hôn thể hiện mong muốn kết hôn vào một thời điểm nào đó trong cuộc sống của họ. Một người mẹ chưa kết hôn 23 tuổi ở New York sống thử với bạn trai và theo học tại trường cao đẳng cộng đồng, người mà chúng tôi đã trích dẫn trước đây, tóm tắt cách đa số người Mỹ trẻ tuổi nhìn nhận hôn nhân: "Chúng tôi đang *lên kế hoạch* [in nghiêng thêm] thực hiện nó, vì vậy bất cứ khi nào chúng tôi sẵn sàng, chúng tôi sẽ làm nó." Những phát hiện này phù hợp với dữ liệu khảo sát quốc gia cho thấy sự ủng hộ hôn nhân trong tất cả các nhóm ở Hoa Kỳ (Raley, 2000).

Nghiên cứu của chúng tôi về người trẻ tuổi, không dựa trên mẫu đại diện, cho thấy 1 trong 5 người là những người theo chủ nghĩa hôn nhân tự nhiên, trong khi phần còn lại thuộc vào danh mục những người lên kế hoạch hôn nhân. Không chỉ những người theo chủ nghĩa hôn nhân tự nhiên kết hôn sớm hơn, so với những người lên kế hoạch hôn nhân, những người theo chủ nghĩa tự nhiên cũng nhìn nhận hôn nhân theo một cách đặc biệt: cụ thể, đó là một kết quả tự nhiên và liền mạch cho một mối quan hệ kéo dài một thời gian. Tuy nhiên, đối với những người lên kế hoạch, hôn nhân chỉ xảy ra sau khi một mối quan hệ đã được kiểm tra, đạt được mục tiêu chuyên nghiệp và cá nhân, và mỗi đối tác đạt được "tư duy hôn nhân": khung cảnh tư duy cho phép họ từ bỏ những cách thức ích kỷ của một người độc thân không gắn kết, để họ có thể cam kết với những nghĩa vụ và trách nhiệm của việc làm chồng

hoặc vợ.

Có một góc nhìn khác mà chúng tôi có thể giải thích những phát hiện này. Các tác phẩm của Giddens (1993) và Beck và Beck-Gernsheim (1995) đều đặt ra rằng chính hiện đại hóa đã biến đổi mối quan hệ thân mật. Đối với Giddens (1993), điều này tạo ra một loại thân mật mới, thể hiện dưới dạng một thỏa thuận thương lượng giữa các đối tác có địa vị ngang bằng, và nơi tình dục được giải phóng khỏi nhu cầu sinh sản (reproductive needs). Ở đây "mối quan hệ tinh khiết / pure relationships" có thể phát triển mà không cần phải dẫn đến hôn nhân. Tương tự, Beck và Beck-Gernsheim (1995) đề xuất rằng khi hôn nhân đã suy giảm như là cơ sở cho tổ chức của mối quan hệ thân mật, có nhiều tự do và dân chủ trong cuộc sống cá nhân và nhiều hỗn loạn hơn. Cả hai tác phẩm này đều cho rằng tình yêu và đam mê là điều hiển nhiên, và thực sự cảm xúc mạnh mẽ có thể dẫn đến các vấn đề (Beck & Beck-Gernsheim, 1995, tr. 100), nhưng hôn nhân không còn cần thiết hoặc mong muốn bởi nhiều người. Dữ liệu của chúng tôi sẽ dẫn chúng tôi đến kết luận rằng điều ngược lại là đúng đối với người trả lời của chúng tôi - ít người nói về tình yêu hoặc đam mê, và ngay cả đối với những kế hoạch hôn nhân mà hôn nhân là một khát vọng xa xôi, họ vẫn mong muốn nó.

Về cách mà người trả lời nói về ý nghĩa của hôn nhân, chủng tộc / sắc tộc, giới tính, và tầng lớp xã hội ít quan trọng hơn ngữ cảnh kinh tế xã hội và chuẩn mực nơi mà người trả lời đang sống. Một cách để hiểu rõ hơn về phát hiện này là nói rằng các xu hướng về hôn nhân được hình thành bởi một ngữ cảnh văn hóa, cụ thể là có một yếu tố của thái độ và niềm tin của giới trẻ về hôn nhân phản ánh hành vi mà họ thấy xung quanh họ. Quan điểm tương tác biểu tượng (ví dụ, Blumer, 1969) cho phép chúng ta thấy cách mà trong một ngữ cảnh cấu trúc nhất định, thái độ được hình thành bởi sự tương tác và bởi kỳ vọng của một cá nhân về cách người khác nhìn nhận anh ấy. Chắc chắn, việc trong các ngữ cảnh cấu trúc khác nhau, nguyên mẫu tự nhiên và kế hoạch chiếm ưu thế một phần do quá trình tương tác. Chúng tôi đã phát hiện ra rằng

danh mục hỗn hợp về mặt xã hội, chủng tộc, và sắc tộc của những người lập kế hoạch hôn nhân chia sẻ một kịch bản tương tự để hiểu về mối quan hệ và hôn nhân. Cũng không có sự khác biệt thực sự giữa những người trả lời là con của người nhập cư và những người bản xứ. Những gì thay đổi qua các nhóm kinh tế xã hội khác nhau là cách vị trí cấu trúc của cuộc sống của một người làm cho việc đạt được các mục tiêu kinh tế, cá nhân, cảm xúc, và mối quan hệ mà *tất cả* những người lập kế hoạch hôn nhân yêu cầu trở nên khó khăn hơn hoặc ít khó khăn hơn. Cũng có thể rằng tầng lớp và chủng tộc ảnh hưởng đến quyền truy cập vào số lượng đối tác xứng đáng với hôn nhân (Wilson, 1987). Tuy nhiên, mặc dù có nền tảng rất khác nhau, những người lập kế hoạch hôn nhân đều đồng lòng về việc cưới xin cần phải có tư duy hôn nhân, đạt được sự ổn định kinh tế và sự trưởng thành về mặt cảm xúc, và có một mối quan hệ đã được kiểm tra kỹ lưỡng.

Địa lý và vị trí khu vực có mối tương quan mạnh mẽ với các hướng tự nhiên và kế hoạch. Những người tự nhiên được củng cố trong hôn nhân sớm của họ và sự chuyển đổi nhanh chóng của họ sang tuổi trưởng thành vì họ tồn tại trong một nền kinh tế nơi người lao động có khả năng kiếm được tiền vừa phải và trình độ học vấn, chi phí sinh hoạt thấp hơn (đặc biệt là về nhà ở) và lực lượng lao động làm việc toàn thời gian trong các công việc cổ áo xanh [chỉ đến công nhân, chủ yếu là công việc chân tay] và hồng [chỉ đến các công việc phụ nữ thường đảm nhận, chẳng hạn như y tá, giáo viên mầm non, và nhân viên hỗ trợ khách hàng]. Ngược lại, những người lập kế hoạch sống trong một nền kinh tế hậu công nghiệp với chi phí nhà ở cao và một lực lượng lao động nơi người lao động thường cần nhiều năm đào tạo, giáo dục, và kinh nghiệm làm việc trước khi họ có thể tự duy trì kinh tế. Trong những điều kiện kinh tế này, mà chủ yếu được tìm thấy trong các khu vực thành thị / vùng đô thị, giới trẻ hoạt động trong một ngữ cảnh xã hội nơi thực tế cấu trúc tạo ra những trở ngại và sự chậm trễ khi họ *làm việc hướng đến mục tiêu* hôn nhân. Bởi vì nền kinh tế nông thôn của Iowa phản ánh thế kỷ 20, chúng ta có thể đoán rằng điều kiện trong cài đặt này giữ cho các

mô hình gia đình cũ vẫn còn tồn tại mặc dù thực tế của một nền kinh tế hậu công nghiệp ở các khu vực đô thị tạo ra sự chậm trễ cho quá trình chuyển đổi thành người lớn.

Về ý nghĩa thay đổi của hôn nhân trong xã hội, những phát hiện của chúng tôi củng cố cho trường hợp xem hôn nhân từ góc độ quá trình đời sống (life course perspective). Như đã nói ở trên, kịch bản của những người tự nhiên về mối quan hệ gọi lại thế kỷ 20, một thời điểm mà hôn nhân được coi là bước đầu tiên quan trọng hướng đến tư cách người trưởng thành. Ngược lại, những người lập kế hoạch phản ánh thái độ "đợi-và-xem / wait-and-see" định rõ quá trình chuyển đổi kéo dài đến tuổi trưởng thành của thời đại hiện tại. Đối với những người lập kế hoạch, việc cưới xin cạnh tranh với thời gian và sự chú ý của họ với vô số cột mốc người lớn định rõ giai đoạn này của cuộc sống: đạt được bằng cấp, ổn định trong sự nghiệp, thiết lập một hộ gia đình riêng biệt. Hôn nhân là một kết quả mong muốn, nhưng đó không phải là một việc xảy ra đơn giản chỉ vì một mối quan hệ kéo dài.

Phân loại của những người lập kế hoạch hôn nhân và những người hôn nhân tự nhiên cho các học giả một cách dễ giải quyết nghịch lý về cách mà giới trẻ với nhiều lựa chọn thay thế cho hôn nhân vẫn xem hôn nhân là một phần quan trọng và có ý nghĩa trong cuộc sống của họ. Mặc dù người khác đã cho rằng ý nghĩa văn hóa của hôn nhân đã thay đổi cho xã hội nói chung (Cherlin, 2004), chúng tôi đặt những thay đổi văn hóa này trong một lý thuyết cấu trúc về tính độc đáo phát triển của quá trình chuyển đổi thành người lớn. Đối với nhiều người trẻ tuổi được giáo dục và thuộc tầng lớp thượng lưu, việc trì hoãn hôn nhân cho đến khi đạt được mục tiêu cá nhân và nghề nghiệp chuyên nghiệp là một phản ứng hợp lý với sự giáo dục, đào tạo, và thời gian cần thiết để có được việc làm toàn thời gian, được trả lương tốt, và ổn định (Axinn & Thornton, 2000). Các cặp vợ chồng thu nhập thấp có thể sinh con, nhưng họ cũng trì hoãn hôn nhân cho đến khi họ vượt qua được những "rào cản kinh tế" và "mối quan hệ" mà tất cả những người lập kế hoạch hôn nhân xem

là điều kiện tiên quyết cho một cuộc hôn nhân (Edin & Kefalas, 2005). Dựa trên cách mà những người lập kế hoạch hôn nhân hiểu về mối quan hệ và vai trò của hôn nhân trong cuộc sống của họ, họ càng phân biệt liệu hôn nhân có thực sự cải thiện điều kiện kinh tế và xã hội của họ hay không. Hầu hết sẽ sống thử và chắc chắn, một số ít sẽ không bao giờ chuyển đổi thành một cuộc hôn nhân chính thức. Cuối cùng, sự khác biệt nổi bật nhất giữa hai nhóm là trong khi những người tự nhiên xem hôn nhân là điều kiện tiên quyết để trở thành người trưởng thành, những người lập kế hoạch muốn thiết lập bản thân họ là người trưởng thành trước khi họ kết hôn.

Kết luận

Mẫu lớn đặc biệt của chúng tôi (đối với một nghiên cứu định tính) và đa dạng cho phép chúng tôi nắm bắt được ý nghĩa của hôn nhân. Hôn nhân ở Mỹ đã thay đổi, và quan trọng là phải xem xét những thay đổi này có nghĩa là gì. Cuộc tranh luận nghiêng về tính khái niệm (ideological) về việc hôn nhân đã suy giảm hay vẫn còn mạnh mẽ (ví dụ gần đây là Cloud, 2007; Zernike, 2007) đã đánh mất điểm mấu chốt. Điều đã thay đổi cơ bản là quá trình chuyển đổi thành người lớn, và mặc dù một phần năm của người trả lời của chúng tôi trở thành người lớn nhanh chóng như cha mẹ và ông bà của họ, bốn phần năm còn lại không làm như vậy. Những người lập kế hoạch hôn nhân có những trải nghiệm nhanh chóng trở thành tiêu chuẩn cho giới trẻ. Mặc dù hôn nhân vẫn là mục tiêu quan trọng, tuổi trưởng thành đến trước cam kết trọn đời mà hôn nhân mang lại. Đối với những người lập kế hoạch hôn nhân, cam kết phát triển, và tư duy hôn nhân có thể xuất hiện độc lập với mối quan hệ. Tìm kiếm tình yêu và sự đồng hành là thứ yếu so với việc có được cuộc hôn nhân đúng, và điều này cho thấy dự đoán của Cherlin (2004) về sự phi tổ chức của hôn nhân có thể là quá sớm. Chắc chắn, anh ấy đúng khi nói rằng hôn nhân hiện nay được cá nhân hóa thay vì đồng hành, và thậm chí những người hôn nhân tự nhiên cũng có những liên kết mà vai trò không được định rõ theo truyền thống.

Phát hiện của chúng tôi rằng những người con của người nhập cư không khác biệt đáng kể so với những người lập kế hoạch khác trong mẫu là đáng chú ý. Trước cuộc tranh luận thường xuyên về sự hòa nhập và văn hóa hóa [acculturation] (Portes & Rumbaut, 2001), dữ liệu của chúng tôi về hướng hôn nhân cho thấy rằng trong một ngữ cảnh cấu trúc đánh dấu bởi quá trình chuyển đổi kéo dài đến tuổi trưởng thành, những người con của người nhập cư có nhận thức và hành vi mà có nhiều điểm chung với bạn bè đô thị của họ hơn và ít chịu ảnh hưởng bởi văn hóa của cha mẹ. Một số người được phỏng vấn là con của người nhập cư đã nói về cách cha mẹ của họ mong đợi họ phải kết hôn vào một độ tuổi nhất định, hoặc làm thế nào đối với một số người, đối tác hôn nhân được cha mẹ chấp thuận nên là ai đó từ một nhóm dân tộc của họ hoặc từ một tầng lớp xã hội nhất định. Tuy nhiên, ngay cả khi những người trẻ tuổi này ghi nhận những kỳ vọng ấy, họ nói về hôn nhân theo cách giống như những đứa con của người bản xứ. Đơn giản, về định hướng về hôn nhân (orientation to marriage), không còn dấu vết của sự hòa nhập phân đoạn (Zhou, 1997) trong số những người trả lời thế hệ thứ hai của chúng tôi trên các nhóm giai tầng xã hội. Đây là một lĩnh vực rõ ràng cần thêm nghiên cứu, và công việc tương lai nên cố gắng tìm ra quá trình mà con của người nhập cư hình thành định hướng của họ về hôn nhân.

Giống như bất kỳ nghiên cứu nào khác có tính chất như vậy, chúng tôi nhận thức được những hạn chế của mình và nhu cầu cho các nghiên cứu tiếp theo. Mẫu của chúng tôi được chọn một cách không ngẫu nhiên để điều tra các khía cạnh khác nhau của quá trình chuyển sang tuổi trưởng thành, và nghiên cứu không nhất thiết có thể tổng quát hóa. Các biện pháp của chúng tôi cho giai tầng cũng bị giới hạn, và các nghiên cứu tương lai nên giải quyết hạn chế này. Cuối cùng, chúng tôi nghĩ rằng công việc tương lai nên xem xét liệu kết quả của mẫu không đại diện này có thể được tái tạo, và cũng như, liệu ý nghĩa của hôn nhân có đang bước vào một giai đoạn mới nơi các chuẩn tắc của nó sẽ được

định rõ lại, và, mức độ nào mà bối cảnh thay đổi của tuổi trưởng thành ảnh hưởng đến quá trình này.

Lời cảm ơn

Các tác giả biết ơn Andrew Cherlin, Kathryn Edin, Sharon Sassler, và các nhà phê bình ẩn danh vì những bình luận về các bản thảo trước đây.

Tuyên bố về Mâu thuẫn lợi ích

Tác giả (các tác giả) không tuyên bố có bất kỳ mâu thuẫn lợi ích tiềm ẩn nào liên quan đến tác giả và/hoặc việc xuất bản bài viết này.

Tài trợ

Tác giả (các tác giả) đã tiết lộ việc nhận được sự hỗ trợ tài chính sau đây cho việc nghiên cứu và/hoặc tác giả của bài viết này:

Nghiên cứu này được hỗ trợ hoàn toàn bằng một khoản tài trợ từ Mạng lưới Nghiên cứu về Quá trình Chuyển đổi sang Tuổi trưởng thành của Quỹ MacArthur (MacArthur Foundation's Research Network on the Transition to Adulthood).

- Hết -

Lời của người biên tập: nội dung của tài liệu này được tạo ra với mong muốn trở thành nguồn tư liệu hữu ích cho bất kỳ ai quan tâm đến chủ đề nhưng có vốn tiếng Anh hạn chế. Ngoài điều ấy ra, nó không có mục đích nào khác, bao gồm, nhưng không giới hạn: tiền bạc, nổi tiếng, dạy đời, v.v.. Tôi xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến (các) tác giả gốc của nghiên cứu này. Độc giả vui lòng chỉ dùng tài liệu này cho mục đích cá nhân & phi thương mại.

Người biên tập: Nguyễn Đức Anh (blogmienphi.com)

Link gốc bản tiếng Anh:

https://www.researchgate.net/profile/Frank-Furstenberg-2/publication/254114959_Marriage_Is_More_Than_Being_Together_The_Meaning_of_Marriage_for_Young_Adults/links/5755a11208ae0405a5754bdd/Marriage-Is-More-Than-Being-Together-The-Meaning-of-Marriage-for-Young-Adults.pdf

Nếu bạn có khả năng đọc hiểu tiếng Anh, hãy đọc bản gốc, nó bao giờ cũng tốt hơn bản dịch.

Phiên bản #1 của bản dịch này được hoàn thành vào ngày: 08/01/2024

Chúng tôi có thể cập nhật các bản dịch tốt hơn, để tăng cường chất lượng. Nếu trường hợp đó xảy ra, trên website sẽ có thông báo rõ ràng về các phiên bản khác nhau để độc giả phân biệt.